

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế nước ta đang chuyển sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước hội nhập với nền kinh tế các nước trong khu vực và thế giới. Nhiều doanh nghiệp đang vươn mình lớn mạnh, góp phần tạo ra của cải vật chất, làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp. Chính vì vậy, các chính sách của Đảng và nhà nước càng quan tâm hơn đến các doanh nghiệp, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh. Bất cứ một doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu trong tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có như vậy các nhà quản lý mới nắm rõ được tình hình tiêu thụ, các chi phí bỏ ra và kết quả kinh doanh thu được trong doanh nghiệp của mình, từ đó có thể đề ra các biện pháp chiến lược kinh doanh phù hợp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn chưa thực sự hoàn thiện. Vì vậy, việc tìm ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán đó nhằm tăng cường quản lý chi phí tại công ty trở nên rất cần thiết.

Xuất phát từ việc nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cùng những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập và thực tế, em đã lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông”*** làm đề tài nghiên cứu khoa học. Thông qua kết quả nghiên cứu này, em hy vọng sẽ góp phần giúp công ty hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, từ đó tăng cường quản lý chi phí cho công ty.

### **Mục đích nghiên cứu của đề tài**

-Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

-Về mặt thực tiễn: Mô tả, phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty C.P thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí tại Công ty C.P thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông.

### **Phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian: từ ngày 15/04/2012 đến ngày 20/06/2012.
- Về không gian: tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.
- Số liệu được phân tích là số liệu năm 2011.

### **Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
- Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh.
- Phương pháp chuyên gia và khảo sát thực tế.

### **Đóng góp của đề tài**

#### 1. Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

- Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng như việc sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản lý chi phí kinh doanh. Đây là một hướng nghiên cứu mới cho các đề tài tốt nghiệp ngành Kế toán- kiểm toán.

- Là tài liệu tham khảo cho sinh viên khoa Quản trị kinh doanh.

#### 2. Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế:

Các giải pháp đưa ra trong đề tài nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.

### **Nội dung, kết cấu đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

**Chương I:** Một số vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương II:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.

**Chương III:** Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.

## CHƯƠNG I

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.1. KHÁI QUÁT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

##### 1.1.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

###### 1.1.1.1. Doanh thu

###### a. *Khái quát về doanh thu.*

Theo chuẩn mực số 14 “doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và thông tư số 89/2002/TT-BTC thì:

+ Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

+ Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

+ Doanh thu tài chính là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm hoạt động tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được Ngân sách nhà nước hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật do các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**b. Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Cũng theo chuẩn mực số 14:

▲ Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

▲ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch về cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
3. Xác định được phần công việc vào ngày lập Bảng cân đối.
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

▲ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

1. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### ***c. Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng***

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:

Theo phương thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức gửi hàng qua đại lý hoặc chuyển hàng qua kho đại lý: Theo tiêu thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi cho các quầy hàng, cửa hàng ...nhờ bán hộ. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu đồng thời ghi nhận giá vốn hàng bán.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:

Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

### **1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

✓ **Chiết khấu thương mại:**

Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua bán hàng.

✓ **Giảm giá hàng bán:**

Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

✓ **Hàng bán bị trả lại:**

Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách... Khi doanh nghiệp nhận lại giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế xuất khẩu:**

Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu qua biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác thì phải nộp thuế này.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà nhà nước không khuyến khích sản xuất kinh doanh, hạn chế tiêu thụ như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...

✓ **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:**

Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

### **1.1.2. Khái quát về chi phí**

Theo chuẩn mực số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản chi phí sau:

#### ***a. Giá vốn hàng bán:***

Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là trị giá sản xuất ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá tiêu thụ.

#### ***b. Chi phí bán hàng:***

Là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Chi phí bảo hành sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

#### ***c. Chi phí quản lý doanh nghiệp:***

Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Thuế phí, lệ phí.

- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

***d. Chi phí hoạt động tài chính:***

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

***e. Chi phí khác:***

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Các khoản chi phí khác.

***f. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN**

**1.1.3. Một số khái niệm về xác định kết quả kinh doanh**



Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu} & & & & \text{Chi phí} \\ \text{động sản xuất} & & \text{thuần từ bán} & & \text{Giá vốn} & & \text{quản lý} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{hàng và cung} & - & \text{hàng} & - & \text{bán hàng} & - & \text{doanh} \\ \text{chính} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{bán} & & & & \text{nghiệp} \end{array}$$

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\begin{array}{ccc} \text{Kết quả hoạt động} & = & \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} & & \text{tài chính} & - & \text{Chi phí tài chính} \end{array}$$

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Số tiền lãi(lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của các năm tài chính tiếp theo.

Nếu lãi doanh nghiệp tiến hành phân phối theo trình tự sau:

- + Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- + Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.
- + Trích lập các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.
- + Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ, tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra

những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & \text{Kết quả hoạt} & & \text{Kết quả hoạt} & & \text{Kết quả hoạt} \\ \text{kinh} & = & \text{động sản xuất} & + & \text{động tài} & + & \text{động khác} \\ \text{doanh} & & \text{kinh doanh chính} & & \text{chính} & & \end{array}$$

#### **1.1.4. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

##### **1.1.4.1. Vai trò**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

-Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

- Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định.

-Là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

-Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ...Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta mới đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

##### **1.1.4.2. Ý nghĩa**

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp.

- Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó

doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.

- Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

#### **1.1.5. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra đôn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn trả, tình hình trả nợ của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

## **1.2. NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

### **1.2.1. Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

#### **1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **a. Chứng từ, sổ sách sử dụng**

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 - BH)

- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 - BH)

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra.

- Nhật ký chung

- Sổ cái TK511, 512

- Bảng cân đối số phát sinh

- Báo cáo tài chính

##### **b. Tài khoản sử dụng**

▲ Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 511 có các tài khoản cấp 2 sau:

TK5111-Doanh thu bán hàng hoá

TK5112- Doanh thu bán thành phẩm

TK5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá

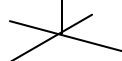
TK5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK5118- Doanh thu khác

▲ Kết cấu tài khoản

## **TÀI KHOẢN 511 – Doanh thu bán hàng**

<p>-Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ.</p> <p>-Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</p> <p>-Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”</p>	<p>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của DN đã thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



### **Tài khoản 511 không có số dư.**

#### ▲ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này phản ánh doanh thu của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty... hạch toán ngành.

Tài khoản 512 được mở chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2 sau:

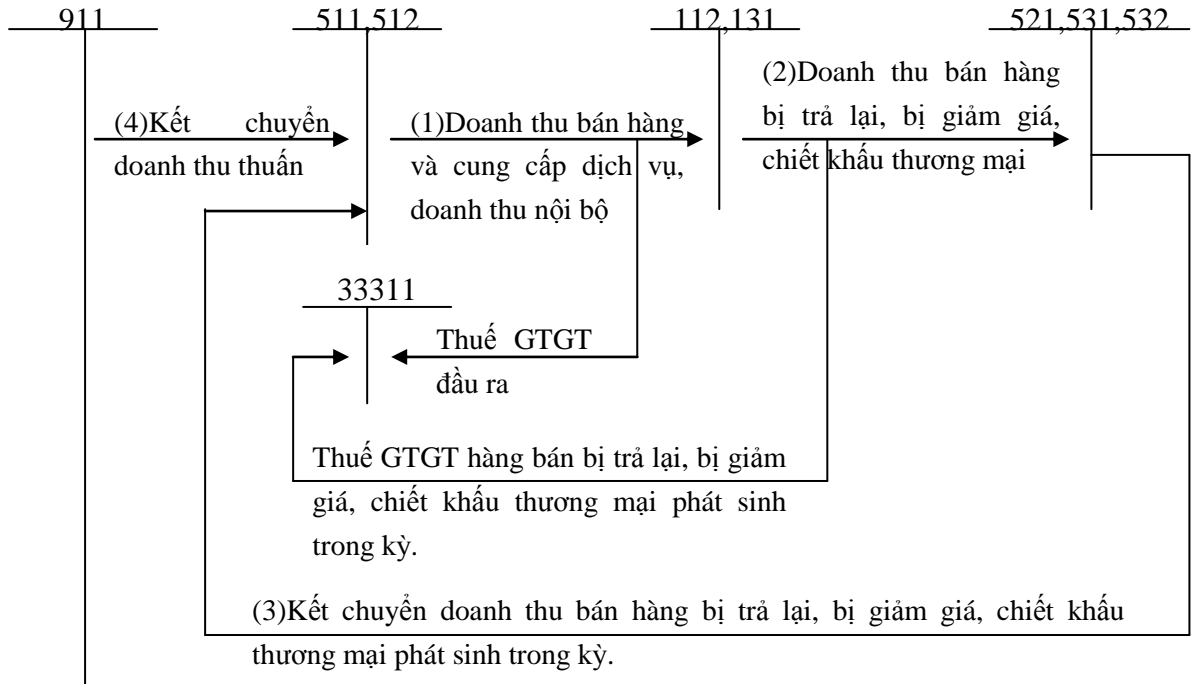
TK5121- Doanh thu bán hàng hoá

TK5122- Doanh thu bán các thành phẩm

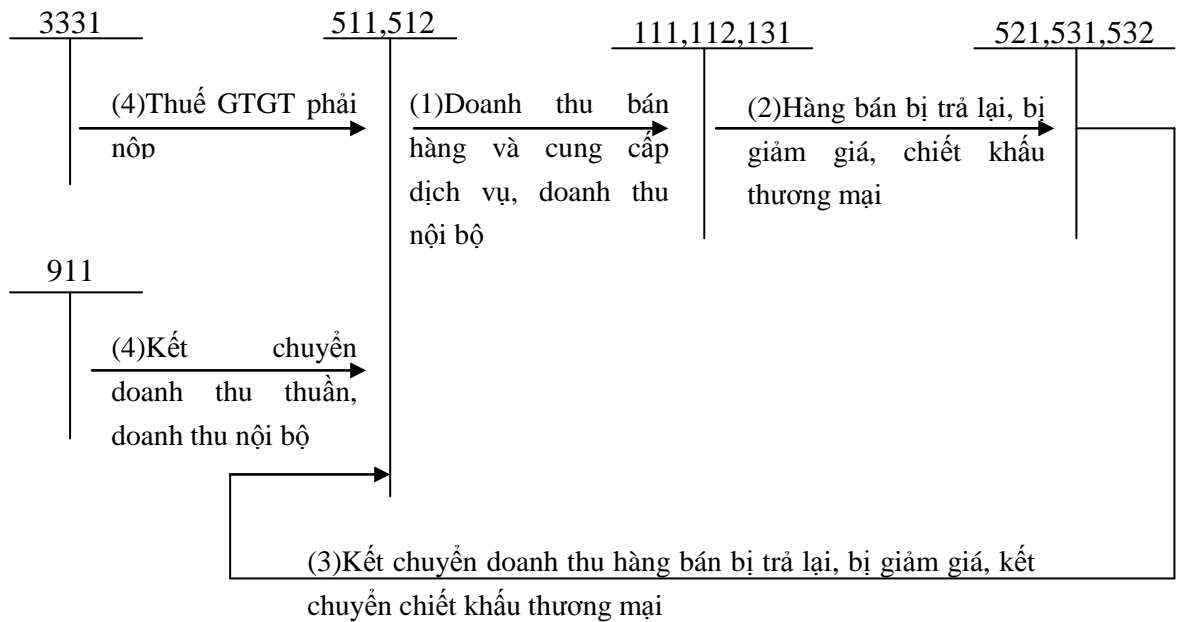
TK5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu tài khoản.(Giống tài khoản 511)

▲ Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát qua sơ đồ:



**Sơ đồ 1.1a: Sơ đồ kế toán doanh thu khi doanh nghiệp hạch toán thuế theo phương pháp khấu trừ**



**Sơ đồ 1.1b: Sơ đồ kế toán doanh thu khi doanh nghiệp hạch toán thuế theo phương pháp trực tiếp**

### 1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

#### a. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu nhập, phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ... và các chứng từ khác có liên quan.

#### b. Tài khoản sử dụng

▲ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2 sau:


TK5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK5212- Chiết khấu thành phẩm

TK5213- Chiết khấu dịch vụ

Kết cấu tài khoản

#### TÀI KHOẢN 521- Chiết khấu thương mại


Chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển xác định doanh thu thuần.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>
	

**Tài khoản 521 không có số dư.**

▲ Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại

Kết cấu tài khoản:

#### TÀI KHOẢN 531 – Hàng bán bị trả lại

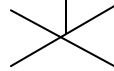
Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển xác định doanh thu thuần.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>
	

**Tài khoản 531 không có số dư.**

▲ Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán

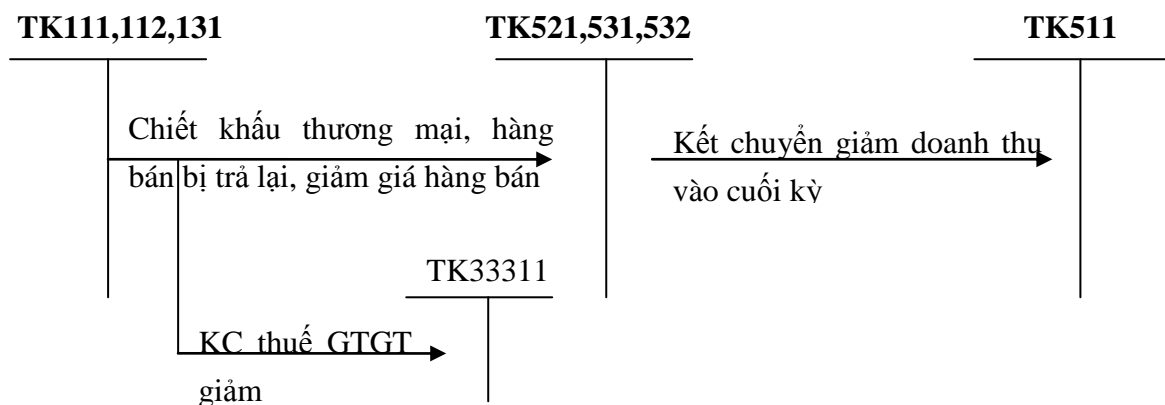
Kết cấu tài khoản:

<b>TÀI KHOẢN 532 – Giảm giá hàng bán</b>	
Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển xác định doanh thu thuần.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



**Tài khoản 532 không có số dư.**

*c. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu*



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

▲ Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản:

- Tài khoản 3332 - thuế tiêu thụ đặc biệt(TTĐB)

Cách tính:

**Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x thuế suất thuế TTĐB**

- Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp

Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.



Cách tính

**Thuế GTGT phải nộp = GTGT của hàng hoá, dịch vụ x Thuế suất thuế GTGT**

$$\text{GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

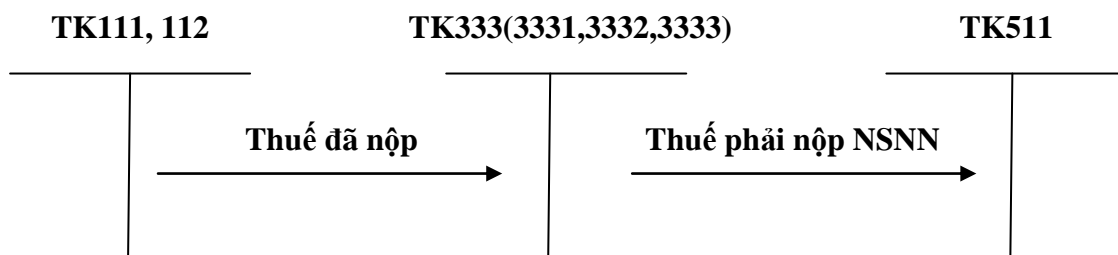
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất khẩu

Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu qua biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác thì phải nộp thuế này.

Cách tính

**Thuế xuất khẩu = Trị giá tính thuế x Thuế suất thuế xuất khẩu**

☞ Sơ đồ hạch toán các loại thuế làm giảm doanh thu:



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán các loại thuế làm giảm doanh thu**

**1.2.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

**a. Chứng từ sử dụng**

Phiếu xuất kho

Phiếu báo vật tư, bảng kê mua hàng

Hóa đơn mua hàng, phiếu xuất kho gửi đại lý

Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi

Hóa đơn bán hàng và hóa đơn GTGT, thẻ quầy hàng...

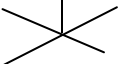
**b. Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Kết cấu tài khoản:

### **TÀI KHOẢN 632 – Giá vốn hàng bán**

-Giá vốn hàng đã bán. -Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.	-Hoàn nhập khoản dự phòng. -Kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



**Tài khoản 632 không có số dư.**

#### ***c. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:***

Theo chuẩn mực số 02-HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

##### **(1). Phương pháp nhập trước - xuất trước(FIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả thiết lô hàng nhập kho trước sẽ được xuất kho trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hoá sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào nhập kho. Việc tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Trị giá hàng hoá xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

##### **(2). Phương pháp nhập sau - xuất trước(LIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho. Phương pháp Nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp có lạm phát.

##### **(3). Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo hai phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

- Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:

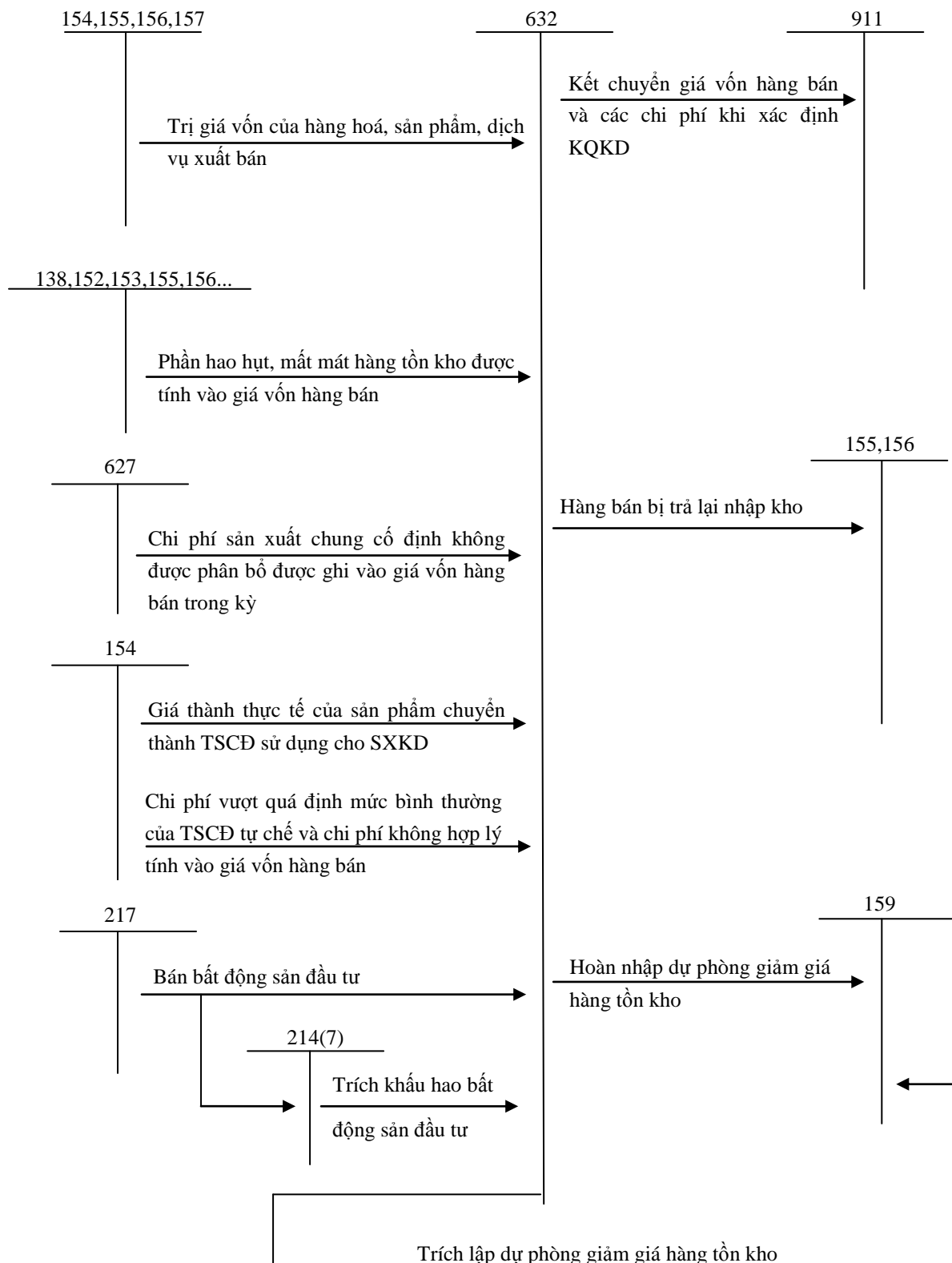
$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

(4). Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hoá thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hoá tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo từng hoá đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập xuất ít.

**d. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán:**



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán  
(Phương pháp kê khai thường xuyên)**

#### 1.2.1.4. Kế toán chi phí bán hàng

##### a. Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (mẫu số 07-VT)
- Hoá đơn GTGT, phiếu chi...
- Các chứng từ kế toán có liên quan.

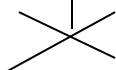
##### b. Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK641- Chi phí bán hàng
- Tài khoản 641 có các tài khoản cấp 2 sau:
  - TK6411: Chi phí nhân viên
  - TK6412: Chi phí vật liệu, bao bì
  - TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
  - TK6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
  - TK6415: Chi phí bảo hành
  - TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - TK6418: Các chi phí khác bằng tiền

▲ Kết cấu tài khoản:

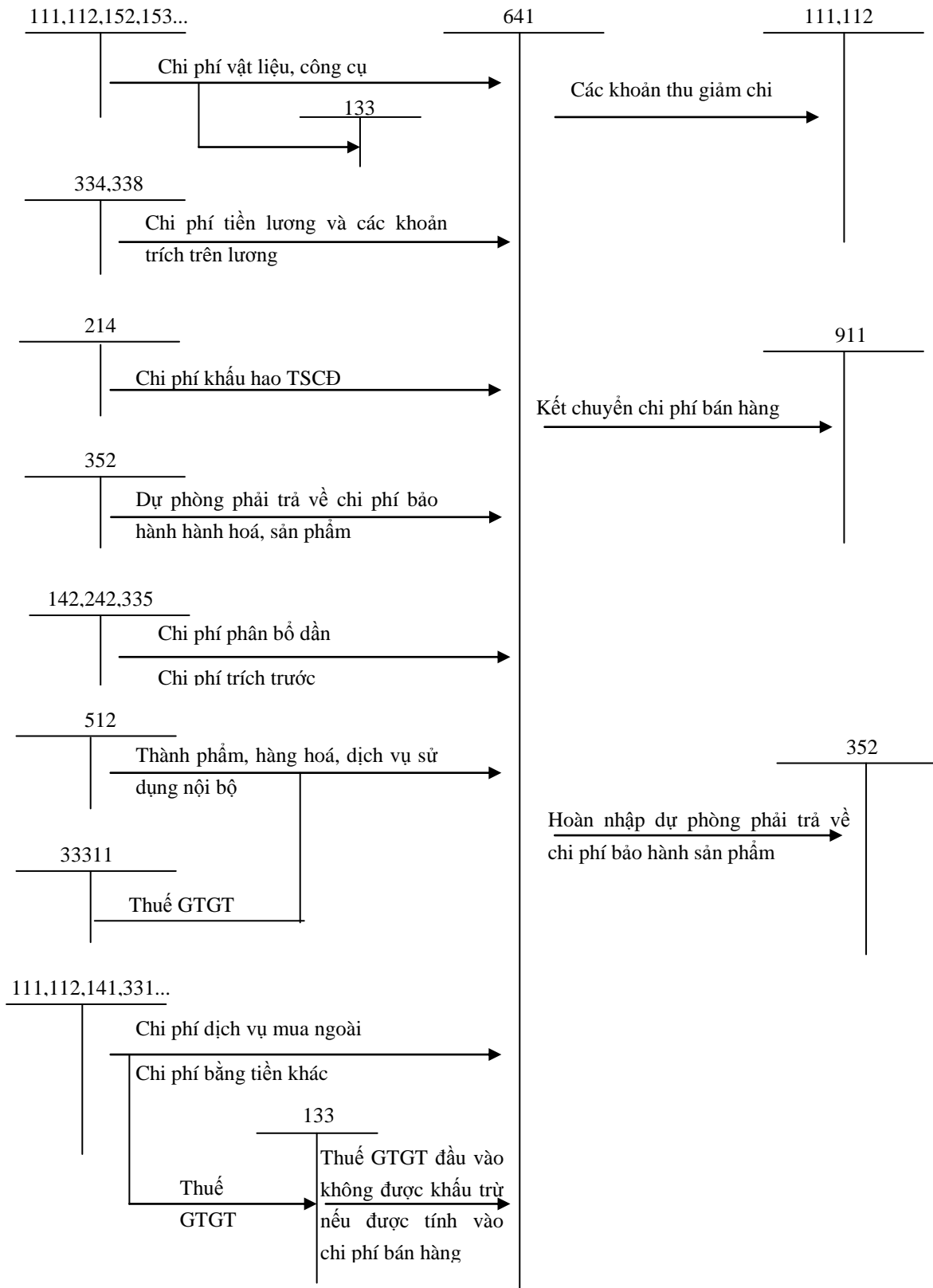
#### TÀI KHOẢN 641 – Chi phí bán hàng

Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



**Tài khoản 641 không có số dư.**

**c. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng:**



**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng**

### 1.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội(mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ(mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ(mẫu số 07-VT)
- Hoá đơn GTGT, phiếu chi
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

#### b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 642 có các tài khoản cấp 2 sau:

- TK6421: chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6425: thuế, phí và lệ phí
- TK6426: chi phí dự phòng
- TK6427: chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428: chi phí bằng tiền khác

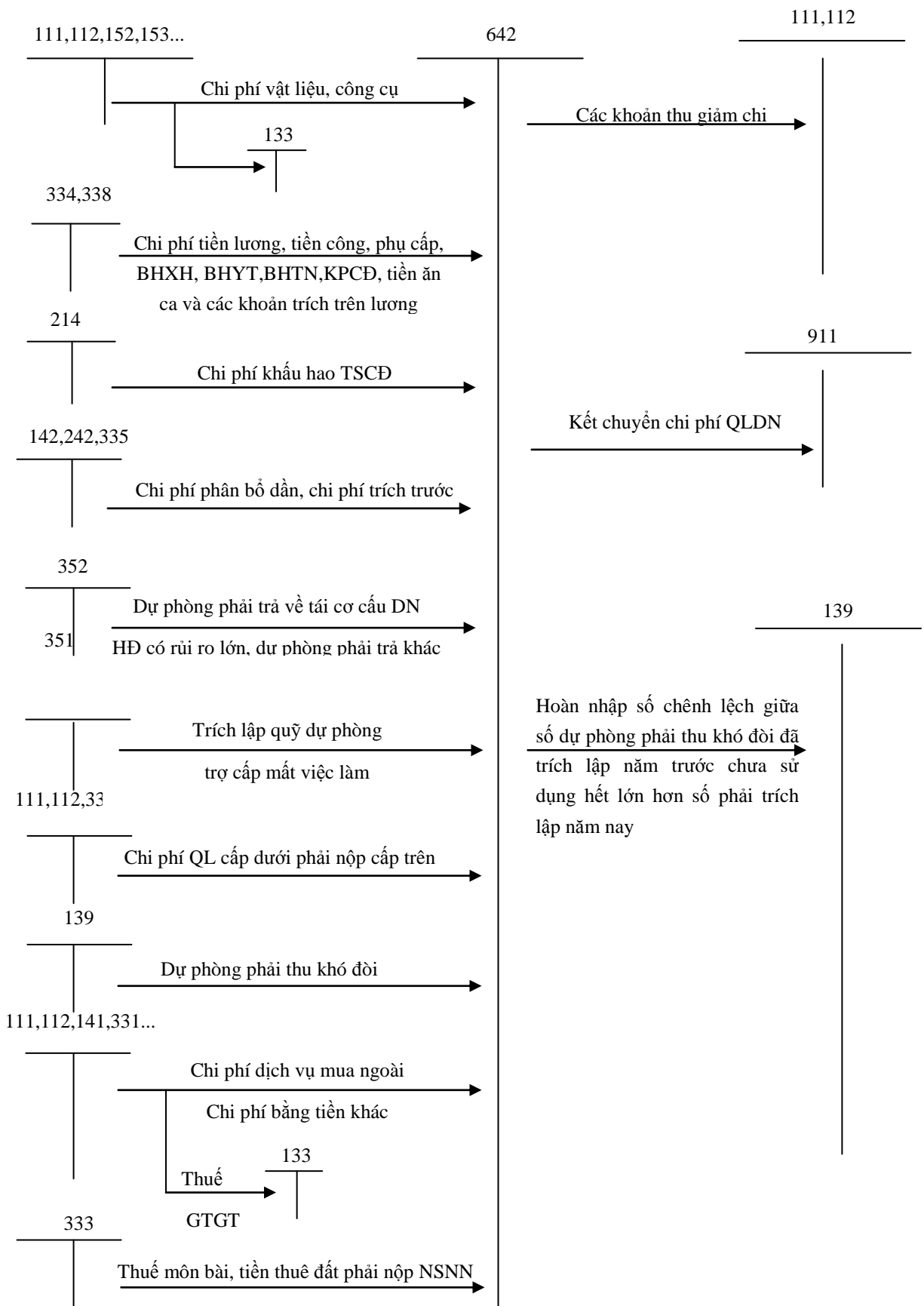
#### ▲ Kết cấu tài khoản

#### TÀI KHOẢN 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

-Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.	-Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
-Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.	- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
-Dự phòng trợ cấp mất việc làm.	
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

~~X~~  
Tài khoản 642 không có số dư.

#### c. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



### 1.2.2. Kế toán hoạt động tài chính

- Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoạt động tài chính trong doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú, trong đó chủ yếu là các hoạt động tham gia liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản...

#### 1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

##### a. Chứng từ sử dụng

Phiếu thu(mẫu số 01-TT)

Giấy báo có của ngân hàng

Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ.

Các chứng từ có liên quan...

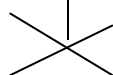
##### b. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

▲ Kết cấu tài khoản

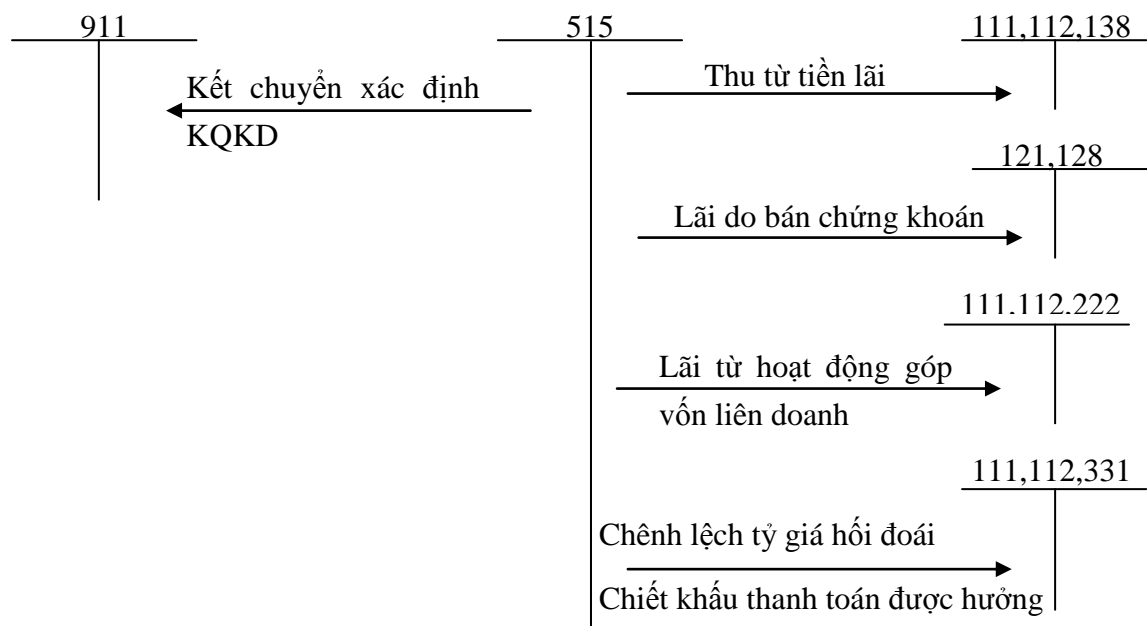
#### TÀI KHOẢN 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có). - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.	-Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. -Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. -Chiết khấu thanh toán được hưởng. -Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



**Tài khoản 515 không có số dư**

**c. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính:**



**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**

**1.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính**

**a. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 02-VT), giấy báo nợ của ngân hàng
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ khác có liên quan...

**b. Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

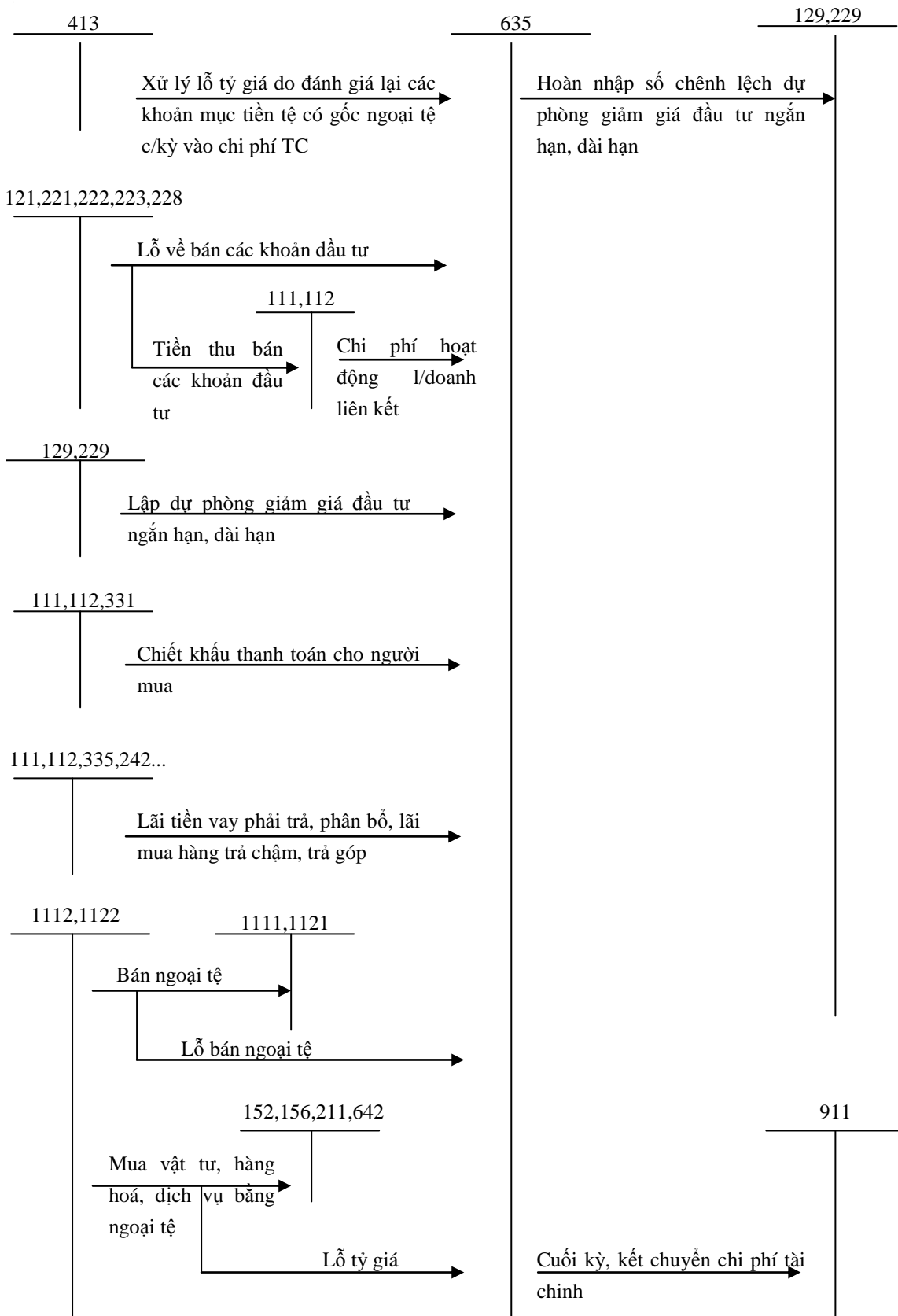
▲ Kết cấu tài khoản

**TÀI KHOẢN 635 – Chi phí tài chính**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.</li> <li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.</li> <li>- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

~~Tài khoản 635 không có số dư.~~

**c. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính**



**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính**

### 1.2.3. Kế toán hoạt động khác

Hoạt động khác (hoạt động bất thường) là những hoạt động diễn ra không thường xuyên, ngoài dự kiến của doanh nghiệp

Hoạt động khác có thể là:

- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Hoạt động xử lý giải quyết các tranh chấp vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Về xử lý tài sản thừa, thiếu chưa rõ nguyên nhân,
- Về các khoản nợ khó đòi.

#### 1.2.3.1. Kế toán thu nhập khác

##### a. Chứng từ sử dụng

Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng

Biên bản thanh lý tài sản cố định

Các chứng từ khác có liên quan...

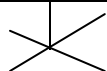
##### b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 711 – Thu nhập khác.

▲ Kết cấu tài khoản

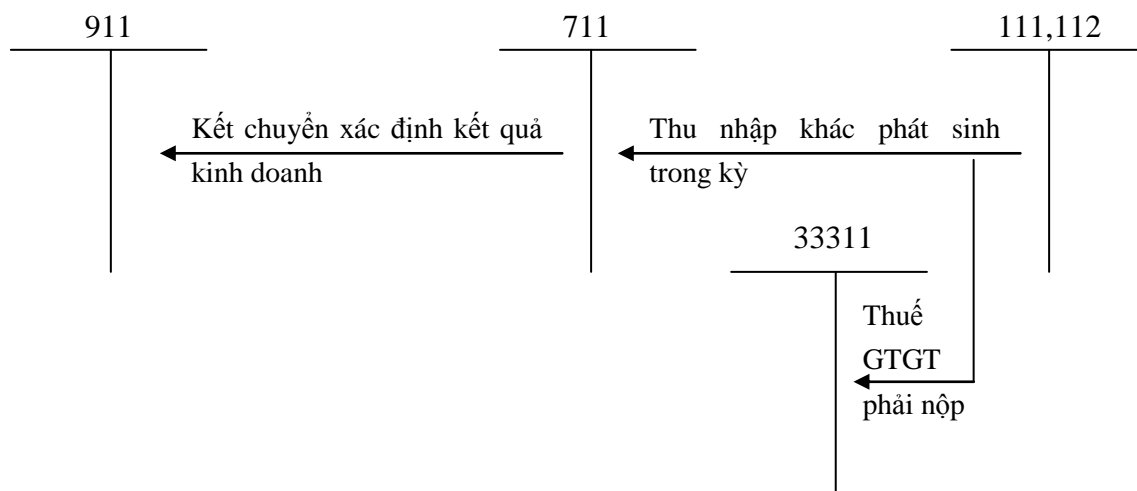
#### TÀI KHOẢN 711 – Thu nhập khác

-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có ) tính theo phương pháp trực tiếp -Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.	-Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. -Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ. -Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; -Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. -Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



**Tài khoản 711 không có số dư.**

**c. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**



**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**

**1.2.3.2. Kế toán chi phí khác**

**a. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

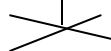
**b. Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác

▲ Kết cấu tài khoản

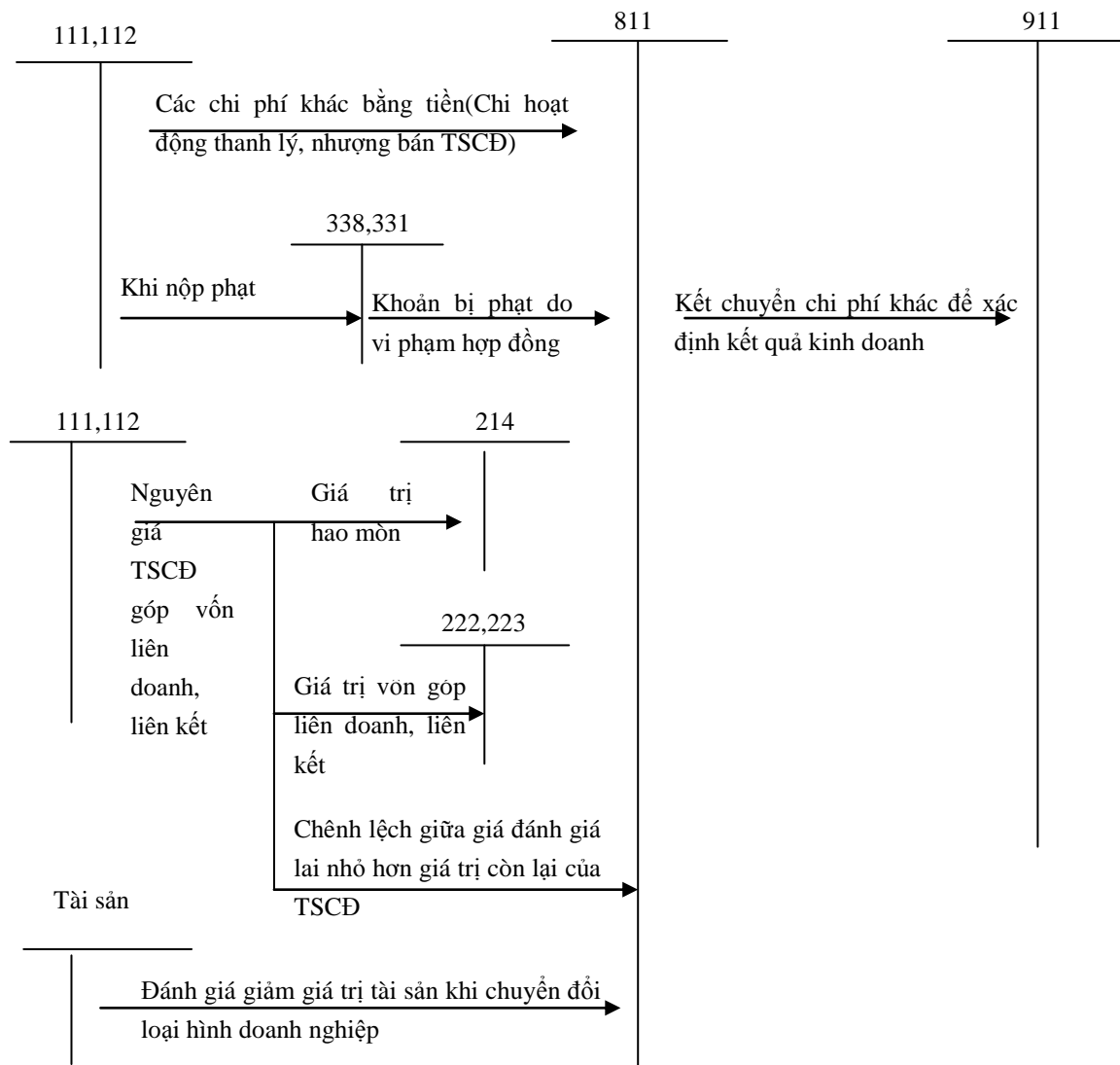
**TÀI KHOẢN 811 – Chi phí khác**

Các khoản chi phí khác phát sinh.	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



**Tài khoản 811 không có số dư.**

**c. Sơ đồ hạch toán chi phí khác**



**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác**

**1.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**a. Chứng từ sử dụng**

Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan...

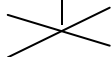
**b. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

▲ Kết cấu tài khoản

**TÀI KHOẢN 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

<ul style="list-style-type: none"> <li>-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>-Chi phí bán hàng.</li> <li>-Chi phí quản lý doanh nghiệp.</li> <li>-Chi phí tài chính.</li> <li>-Chi phí khác.</li> <li>-Chi phí thuế TNDN.</li> <li>-Kết chuyển lãi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>-Doanh thu hoạt động tài chính.</li> <li>-Thu nhập khác.</li> <li>-Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.</li> <li>-Kết chuyển lỗ.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>



**Tài khoản 911 không có số dư.**

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 sau:

TK4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

▲ Kết cấu tài khoản

**TÀI KHOẢN 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

<ul style="list-style-type: none"> <li>-Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</li> <li>-Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư...</li> <li>-Bổ sung vốn kinh doanh.</li> <li>-Lợi nhuận nộp cấp trên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.</li> <li>-Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù.</li> <li>-Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>
Tài khoản 421 có thể dư nợ hoặc dư có.	

- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2 sau:

TK8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

TK8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

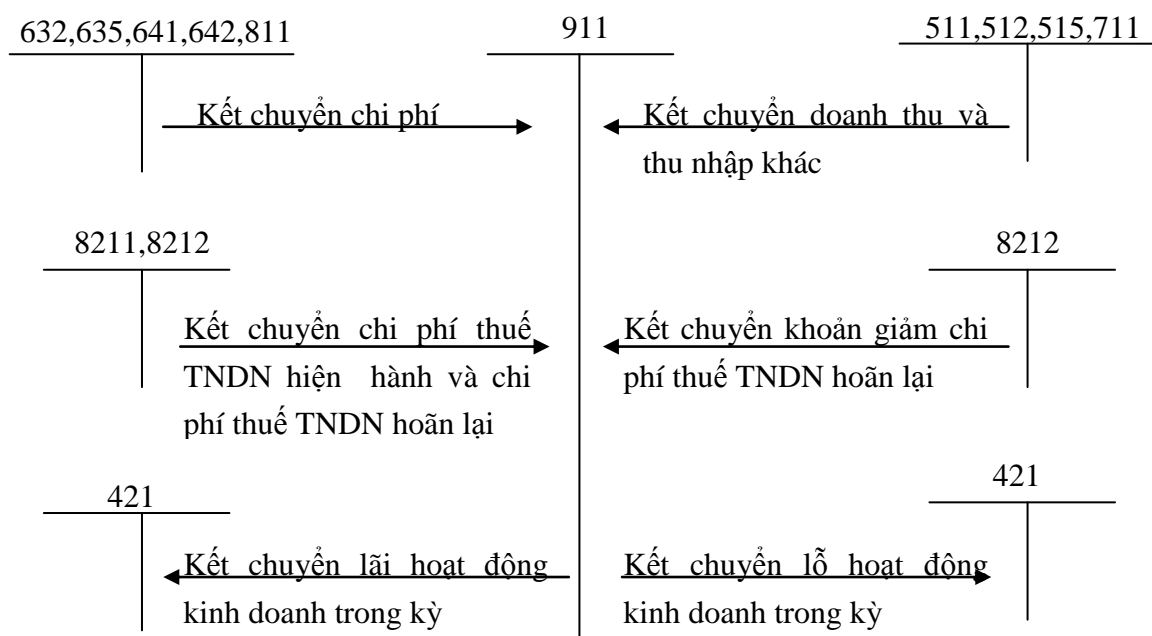
▲ Kết cấu tài khoản

### TÀI KHOẢN 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

-Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. -Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	-Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. -Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. -Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 821 không có số dư.

c. Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh



### **1.2.5. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp**

Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

#### **1.2.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

*Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

*Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:*

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

☞ Ưu điểm: Dễ ghi chép, đơn giản, thuận tiện cho công việc phân công lao động kế toán.

☞ Nhược điểm: còn trùng lặp trong khâu ghi chép.

#### **1.2.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

*Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

*Hình thức Nhật ký - Sổ cái bao gồm các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

☞ Ưu điểm: Đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ đối chiếu, không cần lập bảng cân đối phát sinh các tài khoản.

☞ Nhược điểm: Khó cho phân công lao động kế toán, không thích hợp với đơn vị có quy mô vừa và lớn, có nhiều hoạt động kinh tế sử dụng nhiều tài khoản.

#### **1.2.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

*Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

-Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

-Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm(theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

*Hình thức Chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ chủ yếu:*

-Chứng từ ghi sổ

-Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

-Sổ cái

-Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

☞ Ưu điểm: Phù hợp với mọi loại hình đơn vị, tiện cho việc áp dụng máy tính.

☞ Nhược điểm: Dễ bị trùng lặp

#### **1.2.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**

*Đặc trưng cơ bản:* Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

*Hình thức Nhật ký - Chứng từ bao gồm các loại sổ chủ yếu:*

-Nhật ký chứng từ

-Bảng kê

-Sổ cái

-Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

☞ Ưu điểm: Phù hợp với doanh nghiệp lớn.

☞ Nhược điểm: Số lượng nghiệp vụ nhiều, không phù hợp với kế toán máy.

#### **1.2.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

*Đặc trưng cơ bản:* Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế

toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

☞ Ưu điểm: Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, đơn giản, chính xác, kịp thời, tiết kiệm chi phí.

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG

#### 2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG

##### 2.1.1. Giới thiệu khái quát về công ty

Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5701101245 dưới sự cho phép của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07 tháng 04 năm 2009 (đăng ký lần đầu). Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X - kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 (Luật số 60/2005/QH11).

Tên công ty: Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông.

Tên viết tắt: (Không)

\* Địa chỉ: Thôn Tân Lập - Xã Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

Điện thoại: 0333.589340 Fax: 0333.589340

Email: [Hoanghaidong@gmail.com](mailto:Hoanghaidong@gmail.com)

\* Số tài khoản: **801 220 100 1189** tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn AGRIBANK, chi nhánh Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh

\* Mã số thuế: **5701 101 245**

\* Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

\* Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và xây dựng

\* Quy mô doanh nghiệp: Vừa và nhỏ

\* Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

##### 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

▲ Ngành nghề kinh doanh

-Buôn bán gạch, ngói, đá, cát, sỏi.

-Bán buôn xi măng.

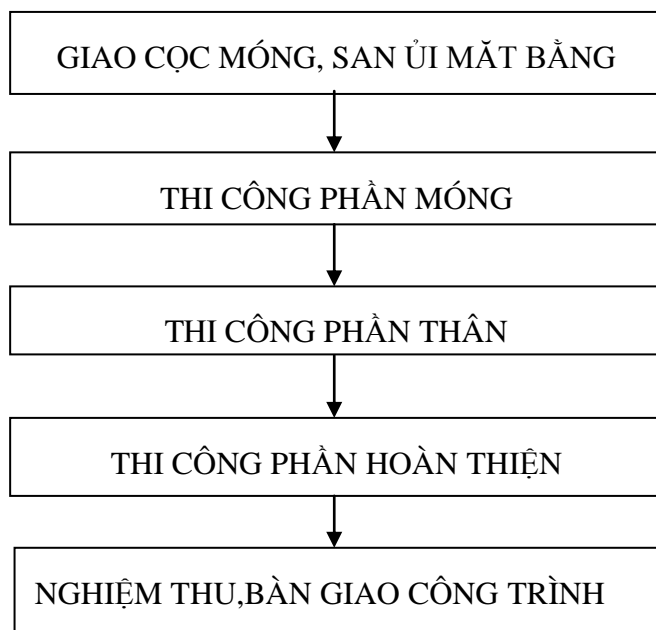
- Bán buôn sắt thép.
- Bán buôn kim loại khác.
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác.
- Bán lẻ các thiết bị lắp đặt trong xây dựng và trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô các loại.
- Vận tải hàng hoá bằng xe lam, xe lôi, xe công nông.
- Vận tải hàng hoá bằng xe thô sơ.
- Vận tải hàng hoá bằng các phương tiện đường bộ khác.
- Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công trình giao thông thuỷ lợi(quy mô vừa và nhỏ), kiến trúc xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, nông thôn.

▲ Lĩnh vực kinh doanh chính

Được đăng ký kinh doanh với nhiều ngành nghề, song hiện nay Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông đang hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng và xây dựng các công trình dân dụng, công trình giao thông, thuỷ lợi (quy mô vừa và nhỏ).

▲ Sơ đồ quy trình công nghệ trong thi công xây dựng

Để tiến hành thi công hoàn chỉnh một công trình, phải tiến hành qua các bước sau:



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình công nghệ trong thi công xây dựng**

\*Quy trình công nghệ được phân làm 5 giai đoạn:

- Giao cọc móng, san ủi mặt bằng
- Thi công phần móng
- Thi công phần thân
- Thi công phần hoàn thiện
- Nghiệm thu bàn giao và đưa công trình vào sử dụng.

+ Giai đoạn 1: công việc gồm: Giao cọc móng, san ủi mặt bằng

+ Giai đoạn 2: Thi công phần móng gồm các công việc: Đào hố móng, san dọn mặt bằng hố móng, bê tông lót nền đá 4x6 cm, lắp đặt cốt thép móng, lắp đặt ván khuôn đế móng, tẩm móng, đổ bê tông móng, xây móng đá chẻ, lắp dựng ván khuôn cốt thép giằng móng, lấp hố móng.

+ Giai đoạn 3: Thi công phần thân gồm: thi công cột, ván khuôn cốt thép dầm sàn, đổ bê tông dầm sàn, xây tường bao che, lắp đặt vì kèo, xà gồ mái, lợp mái.

+ Giai đoạn 4: Thi công phần hoàn thiện gồm: trát, ốp, bả, sơn, lát nền, trang trí.

+ Giai đoạn 5 : Nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào sử dụng.

### 2.1.3. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua:

Tuy doanh nghiệp mới được thành lập gặp rất nhiều khó khăn về vốn và thị trường nhưng với sự lãnh đạo sáng suốt, nắm bắt được thời cơ, do đó công ty đã nhanh chóng thích nghi với thị trường, áp dụng công nghệ vào kinh doanh. Trình độ quản lý ngày càng được nâng cao, được thể hiện qua một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh qua biểu sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Tổng doanh thu	3.657.910.000	4.221.035.274	9.979.108.258
2	Tổng chi phí	3.649.580.259	4.196.957.136	9.937.119.177
3	Tổng LNTT	8.329.741	24.078.138	41.989.081
4	Thuế TNDN	2.082.435	6.019.535	10.497.270
5	Tổng LNST	6.247.306	18.058.603	31.491.811

▲ Những thuận lợi, khó khăn

• Thuận lợi

Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông được thành lập với tổng số vốn ban đầu là 1.800.000.000 đồng.

- Với hình thức kinh doanh đa ngành, đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, có trình độ chuyên môn. Đồng thời, công ty cũng có khả năng chủ động về vốn trong kinh doanh, đặc biệt với các công trình cơ bản phải tự bỏ vốn ban đầu, hoặc các công trình đấu thầu có thời hạn trong toàn tỉnh.

- Có cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trong công tác của công nhân viên.

- Là công ty có bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động, bám sát cơ chế thị trường. Có trang thiết bị chuyên dùng, thường xuyên được bổ sung, đổi mới để nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Là công ty có bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động, bám sát cơ chế thị trường. Có trang thiết bị chuyên dùng, thường xuyên được bổ sung, đổi mới để nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Công ty luôn tiếp cận với các thiết bị máy móc mới, áp dụng khoa học tiên tiến, sử dụng những lao động có kỹ thuật tay nghề cao, sáng tạo và chịu khó học hỏi.

Trong những năm vừa qua, được sự quan tâm của chủ đầu tư và bạn hàng truyền thống, và đặc biệt là nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, đơn vị đã có những bước phát triển rất đáng ghi nhận, tạo được nhiều công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, giúp đời sống công nhân viên ổn định hơn, ngoài ra còn đóng góp đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Các đối tác, khách hàng đã và đang thi công:

- ▲ UBND huyện Ba Chẽ - Quảng Ninh
- ▲ UBND huyện Đông Triều - Quảng Ninh
- ▲ UBND huyện Tiên Yên - Quảng Ninh
- ▲ UBND xã Kỳ Thượng
- ▲ Ban quản lý dự án công trình huyện Hoàn Bồ
- ▲ Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Quảng Ninh
- ▲ Ban quản lý các dự án trọng điểm Quảng Ninh

...

- **Khó khăn**

- Công ty với đội ngũ cán bộ nhân viên còn trẻ, tuy có năng động nhưng còn thiếu kinh nghiệm, đặc biệt các khâu kỹ thuật thi công xây dựng.

- Do đặc điểm của ngành xây dựng chịu ảnh hưởng nhiều vào yếu tố thời tiết, nên khả năng ứ đọng vốn cũng như nguồn cung cấp vật liệu còn nhiều hạn chế.

- Công tác vận chuyển vật liệu đến nơi xây dựng còn gặp nhiều khó khăn do nhiều đoạn đường xe ô tô không vào được đến tận chân công trình thi công.

- Công trình thường ở xa nên tốn nhiều chi phí quản lý, đi lại. Hơn nữa có một số công trình phải thuê nhân công tại địa phương nên tay nghề của một số ít công nhân chưa thật sự cao.

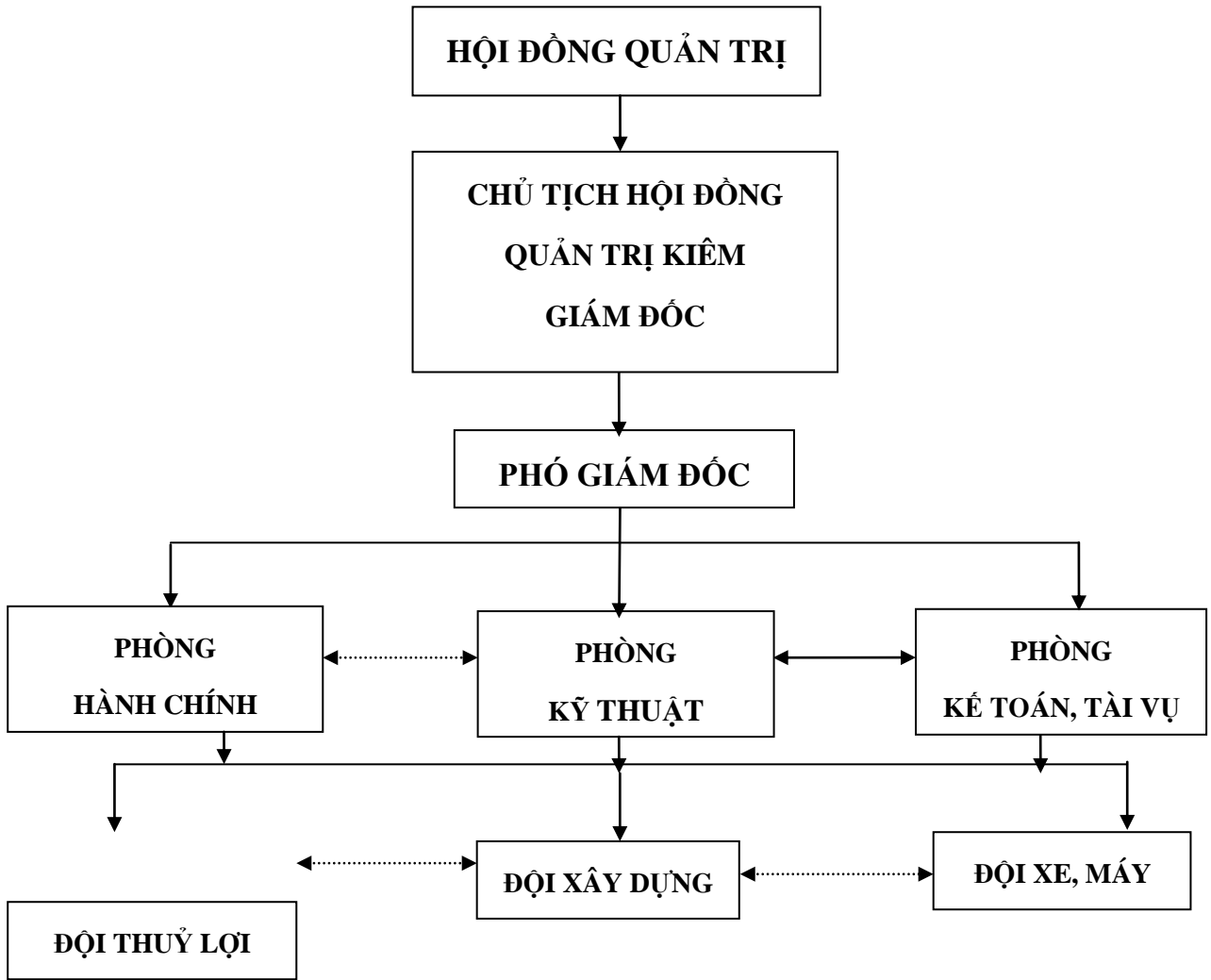
- Hiện có nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực nên việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn trong việc tạo được chỗ đứng trên thị trường xây dựng và tạo uy tín cho khách hàng.

#### **2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty**

##### **2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý**

Với đặc điểm kinh doanh của mình, công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông được tổ chức dưới sự điều hành ban giám đốc doanh nghiệp, dưới ban giám đốc là các phòng: phòng hành chính, phòng kế toán- tài vụ, phòng kỹ thuật. Tiếp đến là các đội: thủy lợi, xây dựng, xe, máy





Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý

**Ghi chú:**

Mối quan hệ chức năng.                      ←.....→

Mối quan hệ trực tuyến.                      —————→

**2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban**

Doanh nghiệp muốn phát triển và tồn tại lớn mạnh ngoài vốn, chuyên môn của từng thành viên trong công ty phải có bộ máy quản lý tốt. Qua sơ đồ trên ta thấy bộ máy nhân sự của công ty được sắp xếp trên cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả với các phòng ban được phân cách rõ ràng, phù hợp với công việc kinh doanh của công ty.

**\* Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý công ty có quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty.

*\* Chủ tịch hội đồng quản trị - Giám đốc:*

Tại công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông, chủ tịch hội đồng quản trị cũng đồng thời là giám đốc công ty.

Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc có quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

*\* Phó giám đốc:*

Giúp giám đốc theo dõi điều hành kinh doanh, xây dựng các chính sách, chiến lược kinh doanh.

*\* Phòng hành chính:*

- Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức nhân sự, điều chuyển, tiếp nhận hoặc thôi việc của cán bộ công nhân viên, thực hiện các chế độ chính sách do nhà nước quy định cho người lao động, đảm bảo các điều kiện làm việc cho văn phòng công ty.

- Tổng hợp, đánh giá nguồn nhân lực hiện có, trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu và phát triển nguồn nhân lực của công ty trong tương lai.

- Xây dựng được bảng mô tả công việc, hướng dẫn công việc và hệ thống tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc, thành tích năng lực của nhân viên.

- Giải quyết chính sách đối với người lao động (ốm đau, thai sản,...) theo luật pháp hiện hành và theo quy định của công ty.

*\* Phòng kỹ thuật:*

Phụ trách kỹ thuật về xây dựng cơ bản, sửa chữa các thiết bị máy móc trong công ty. Tính toán và xử lý các gói thầu trong xây dựng cơ bản của công ty, phân tích các dự án đầu tư có hiệu quả, trình giám đốc phê duyệt để thực hiện các dự án đó khi thị trường đòi hỏi.

*\* Phòng kế toán, tài vụ:*

Đứng đầu phòng kế toán tài vụ là kế toán trưởng chịu trách nhiệm kiểm soát từng thành viên trong phòng và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cấp trên về những báo cáo công việc thực hiện của phòng.

- Tổ chức quản lý về mặt giá trị của toàn bộ tài sản, theo dõi phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vật tư, tiền vốn...của công ty.

- Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, giao dịch thu chi với khách hàng.

\* Các đội:

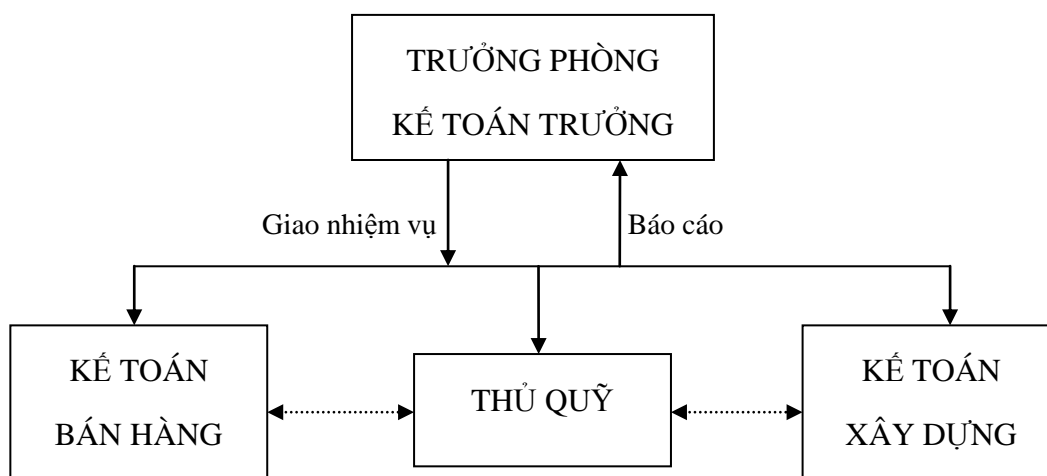
- Đội thủy lợi
- Đội xe, máy
- Đội xây dựng

## 2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

### 2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán

Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Hoàng Hải Đông là một chủ thể hạch toán độc lập, được tổ chức hạch toán theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, là công ty không có xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh ghi chép lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán tài chính của công ty.

#### ▲ Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

#### Ghi chú:

- Mối quan hệ chức năng ←→
- Mối quan hệ trực tuyến →

### **▲ Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán**

- Trưởng phòng kiêm kế toán trưởng

Là người được bổ nhiệm theo quyết định của Giám Đốc Doanh nghiệp, với chức năng là kiểm soát tình hình hoạt động tài chính của Doanh nghiệp, là người tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán, tài chính trong Doanh nghiệp, cập nhật và thống kê các thông tin kinh tế, các chế độ hạch toán kế toán để báo cáo kịp thời lên cấp trên.

Tổ chức và theo dõi trực tiếp TSCĐ, toàn bộ phần hành của quỹ tiền mặt, TGNH, theo dõi việc thanh toán các khoản chi phí và các khoản nộp ngân sách theo đúng chế độ kế toán được nhà nước ban hành, giải quyết thanh toán tiền lương và các chế độ cho cán bộ nhân viên trong toàn chi nhánh thực hiện việc thu nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động theo chế độ kế toán chung.

-Kế toán bán hàng :

Hàng ngày theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn hàng hoá tại các kho, theo dõi việc xuất hoá đơn thanh toán cho các khách hàng, tổng hợp tình hình thanh toán công nợ. Cuối tháng lập báo cáo tổng hợp chuyển cho kế toán trưởng kiểm tra.

- Thủ quỹ :

Trực tiếp thu - chi tiền mặt , tiếp nhận chứng từ ngân hàng, theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng. Cuối tháng báo cáo số tiền và lập bảng kê chi tiết từng loại.

-Kế toán xây dựng :

Trực tiếp theo dõi, hạch toán chi tiết những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong mảng xây dựng.

### **2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty**

#### **a. Chế độ chứng từ, tài khoản kế toán**

Các danh mục chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo được công ty áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản pháp lý khác hiện hành có liên quan.

#### **b. Phương pháp kế toán**

- Doanh nghiệp hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.

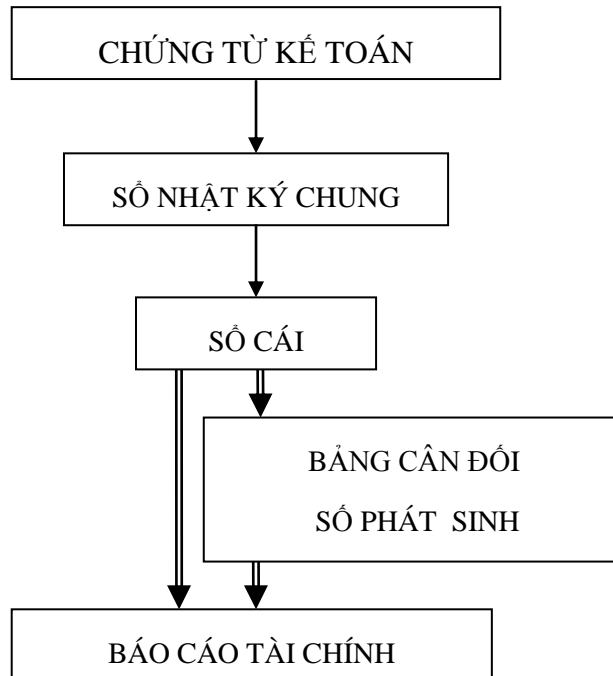
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá gốc được tính theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)

**c. Hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức Nhật Ký Chung

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty Hoàng Hải Đông được thể hiện như sau :



**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán**

**Ghi chú:**

Ghi cuối kỳ             $\Longrightarrow$

Ghi hàng ngày        $\longrightarrow$

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ, phân loại chứng từ và hạch toán theo từng phần hành phù hợp với chứng từ đã phân loại. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh này đều được thể hiện trên sổ Nhật ký chung, Sổ cái. Cuối năm, lập bảng cân đối phát sinh tài khoản. Cuối niên độ, kế toán căn cứ vào các sổ kế toán và bảng cân đối phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

**2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG**

**2.2.1. Thực trạng công tác kế toán hoạt động kinh doanh chính**

### **2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.**

#### **a. Phương thức bán hàng tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.**

Trong giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty đăng ký nhiều loại hình khác nhau, tuy nhiên, công ty lại kinh doanh chính trên hai lĩnh vực là thương mại - buôn bán vật liệu xây dựng và nhận xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thuỷ lợi.

##### **▲ Thương mại:**

Hiện nay, để đáp ứng từng loại mặt hàng với từng đối tượng mua khác nhau, doanh nghiệp áp dụng hình thức bán hàng trực tiếp, bao gồm bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn: Việc bán hàng thông qua các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa các tổ chức bán buôn với doanh nghiệp: doanh nghiệp sản xuất, các công ty thương mại, trường học...

Phương thức bán hàng này chủ yếu là thanh toán bằng chuyển khoản. Khi bên mua chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

Phương thức bán buôn mà công ty hiện đang áp dụng là bán buôn qua kho và bán buôn không qua kho (vận chuyển thẳng).

Bán buôn qua kho: Kho của công ty đặt tại trụ sở của công ty. Đây là kho để dự trữ toàn bộ nguồn hàng của công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ này, kế toán bán hàng của công ty viết hoá đơn GTGT gồm 3 liên và xuất hàng tại kho. Thủ kho lập phiếu xuất hàng tại kho và ngày giao hàng theo như đơn đặt hàng đã ký.

Bán buôn không qua kho: để tiết kiệm chi phí bốc dỡ và thuê kho bến bãi, công ty vận dụng điều thẳng hàng hoá đến nơi bán buôn, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký của nơi đặt hàng, kế toán bán hàng của công ty lập hoá đơn GTGT gồm 3 liên và giao hàng trực tiếp không qua kho.

- Bán lẻ: Theo hình thức này, khách hàng đến mua hàng tại cửa hàng, nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao cho khách hàng. Hình thức thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt. Thời điểm xác định tiêu thụ là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

#### ▲ Xây dựng:

Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua ký kết hợp đồng xây dựng với công ty. Công ty căn cứ vào hợp đồng để tiến hành cung ứng kịp thời.

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp sau: khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng:

- Đối với hình thức thanh toán bằng tiền mặt: khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán lập Hoá đơn GTGT. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán tiến hành viết phiếu thu.

- Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT, ghi nhận doanh thu. Khi nhận được hoá đơn GTGT, khách hàng sẽ tiến hành chuyển tiền qua ngân hàng, công ty sẽ nhận được chứng từ giao dịch từ ngân hàng về số tiền đã thanh toán của khách hàng.

#### ***b. Chứng từ sử dụng***

Các chứng từ được sử dụng để ghi nhận tại công ty:

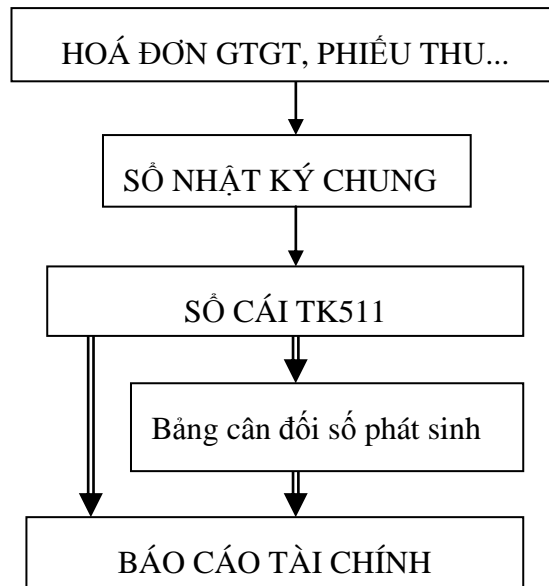
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Chứng từ giao dịch của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan.

#### ***c. Tài khoản sử dụng***

\* TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

\* Các tài khoản liên quan...

#### ***d. Sơ đồ hạch toán***



**Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng**

**Ghi chú:**

Ghi cuối kỳ             $\Longrightarrow$

Ghi hàng ngày        $\longrightarrow$

**Ví dụ minh hoạ:**

**Ví dụ 2.1:**

Ngày 08/12/11, bán ống PEHD các loại cho Công ty TNHH ITV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.948.150đ. Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

▲ Căn cứ vào Hoá Đơn GTGT0000028(Biểu 2.1), kế toán viết Phiếu Thu số 15/12(Biểu số 2.2). Từ phiếu thu, kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung(Biểu 2.3) và Sổ cái TK511(Biểu 2.4).

**Ví dụ 2.2:**

Ngày 20/12/11, Công ty bàn giao hạng mục công trình Nước sạch tự chảy Xã Vũ Tại - Huyện Hoà Bình cho Công ty Cổ phần xây dựng thuỷ lợi Quảng Ninh, (công trình này được khởi công từ ngày 06/10/11) với số tiền là 2.500.000.000 (cả VAT 10%). Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

▲ Căn cứ vào Hoá Đơn GTGT0000035(Biểu 2.5), kế toán vào Sổ nhật ký chung(Biểu 2.3), Sổ cái TK511(Biểu 2.4).



**HOÁ ĐƠN GTGT**  
Liên 3 (Nội bộ)  
Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001  
Ký hiệu: AA/11P  
Số: **0000028**

Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI &amp; XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG</b>															
Mã số thuế: <b>5701101245</b>															
Địa chỉ: Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh															
Điện thoại: 0333.589340      Fax: 0333.589340															
Số tài khoản: <b>801 220 100 1189</b> Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Đông Triều															
Họ tên người mua hàng: <b>Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát</b>															
Tên đơn vị:															
Địa chỉ: Phố Đông Tiến - Thị trấn Tiên Yên - Tỉnh Quảng Ninh															
Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....															
Hình thức thanh toán: <b>Tiền mặt</b> Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>5</td><td>7</td><td>0</td><td>1</td><td>4</td><td>6</td><td>7</td><td>4</td><td>5</td><td>8</td> </tr> </table>						5	7	0	1	4	6	7	4	5	8
5	7	0	1	4	6	7	4	5	8						
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6=4x5										
1	Ống PEHD 63x3.0x100m-PE100	Mét	100	30.338	3.033.800										
2	Ống PEHD 32x2.0x200m-PE100	Mét	50	10.087	504.350										
3	Ống PEHD 25x2.0x200m-PE100	Mét	150	7.700	1.155.000										
4	Ống PEHD 90x4.3x25m-PE100	Mét	150	61.700	9.255.000										
Cộng tiền hàng:.....					13.948.150										
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT:.....1.394.815										
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					15.342.965										
Số tiền viết bằng chữ: <b>Mười năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng./.</b>															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)												
* (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)															

**Biểu 2.1: Hoá đơn GTGT0000028**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số 01 - TT**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

*Ngày 08 tháng 12 năm 2011*

Số: 15/12

Nợ: TK111: 15.342.965

Có: TK511: 13.948.150

Có: TK3331: 1.394.815

Họ và tên người nộp tiền: Trần Văn Thuật

Địa chỉ: **Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát**

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua Ống PEHD các loại

Số tiền: **15.342.965** (viết bằng chữ): **Mười năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT0000028.

*Ngày 08 tháng 12 năm 2011*

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): **Mười năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**Biểu 2.2: Phiếu thu số 15/12**

**HOÁ ĐƠN GTGT**  
 Liên 3 (Nội bộ)  
 Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001  
 Ký hiệu: AA/11P  
 Số: **0000035**

Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI &amp; XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG</b>															
Mã số thuế: <b>5701101245</b>															
Địa chỉ: Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh															
Điện thoại: 0333.589340      Fax: 0333.589340															
Số tài khoản: <b>801 220 100 1189</b> Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Đông Triều															
Họ tên người mua hàng: <b>Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Quảng Ninh</b>															
Tên đơn vị:															
Địa chỉ: Khu 1 – P. Trung Vương – TP. Uông Bí - Quảng Ninh															
Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....															
Hình thức thanh toán: <b>Chưa thanh toán</b> Mã số thuế:															
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> </tr> </table>						5	7	0	0	2	6	6	4	8	4
5	7	0	0	2	6	6	4	8	4						
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=4x5</b>										
01	Hoàn thành Công trình xây dựng nước sạch tự chảy xã Vũ Tại – Hoàn Bồ				2.272.727.273										
Cộng tiền hàng:.....					2.272.727.273										
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT:.....227.272.727										
					Tổng cộng tiền thanh toán:.....2.500.000.000										
<b>Số tiền viết bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn./.</b>															
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)			<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)												
*( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)															

**Biểu 2.5: Hoá đơn GTGT0000035**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03a - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/12	HĐ0000028	08/12	Bán ông PEHD cho công ty Hân Ngọc Phát thu bằng tiền mặt			111 511	13.948.150	13.948.150
			Thuế GTGT đầu ra			111 3331	1.394.815	1.394.815
08/12	PX10	08/12	Trị giá vốn			632 156	13.719.500	13.719.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/12	HĐ0000031	11/12	Bán gạch 2 lổ A1G cho Trại Giam - Quảng Ninh			131 511	12.810.000	12.810.000
			Thuế GTGT đầu ra			131 3331	1.281.000	1.281.000
11/12	PX13	11/12	Giá vốn bán gạch 2 lổ A1G			632 156	12.318.200	12.318.200
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20/12	HĐ0000035	20/12	Bàn giao công trình nước sạch cho C.ty CP xây dựng thủy lợi Quảng Ninh			131 511	2.272.727.273	2.272.727.273
			Thuế GTGT đầu ra			131 3331	227.272.727	227.272.727
20/12	PKT16	20/12	Trị giá vốn công trình			632 154	2.080.132.500	2.080.132.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh năm</b>			...	<b>101.598.475.486</b>	<b>101.598.475.486</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.3: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12/2011**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Sô dư đầu kỳ					
			Sô phát sinh					
...	...	...	...			...		...
08/12	HĐ0000028	08/12	Bán ông PEHD cho công ty Hân Ngọc Phát thu bằng tiền mặt			111		13.948.150
09/12	HĐ0000029	09/12	Bán lẻ thu bằng tiền mặt			111		370.000
...	...	...	...			...		...
11/12	HĐ0000031	11/12	Bán gạch 2 lô A1G cho Trại Giam - Quảng Ninh			131		12.810.000
...	...	...	...			...		...
20/12	HĐ0000035	20/12	Bàn giao công trình nước sạch cho C.ty CP xây dựng thủy lợi Quảng Ninh			131		2.272.727.273
...	...	...	...			...		...
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			911	9.977.382.158	
			Cộng phát sinh				<b>9.977.382.158</b>	<b>9.977.382.158</b>
			Sô dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.4: Trích sổ cái tài khoản 511**

### **2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông**

#### **a. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty**

Đối với công trình xây dựng, cùng với việc ghi nhận doanh thu, kế toán xác định giá vốn hàng bán căn cứ vào mức độ hoàn thành công trình, sau đó kế toán tiến hành lập phiếu kế toán.

Đối với bán hàng, hàng ngày, căn cứ vào Phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK632.

Tại công ty, trị giá vốn được tính theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước.

#### **b. Chứng từ sử dụng**

Hoá đơn GTGT

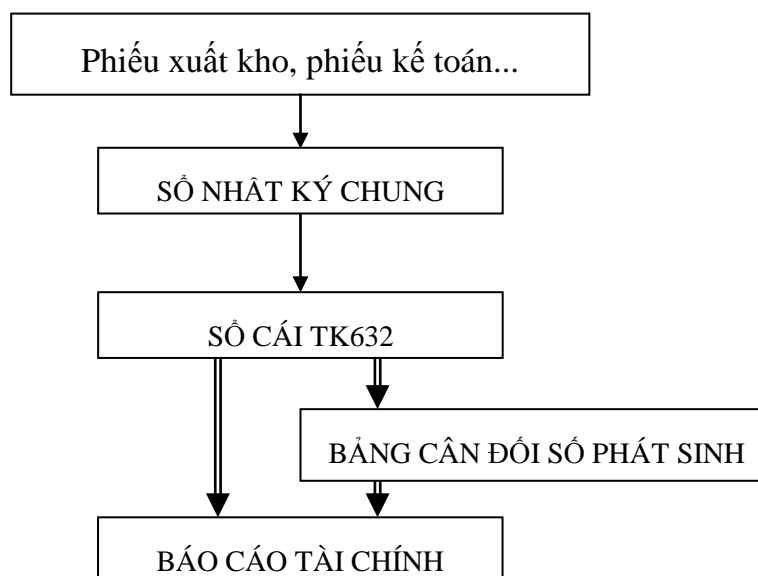
Phiếu xuất kho

Phiếu kế toán

#### **c. Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

#### **d. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty**



**Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán**

#### **Ghi chú:**

Ghi cuối kỳ                       $\Longrightarrow$

Ghi hàng ngày                     $\longrightarrow$

### **Ví dụ minh họa**

#### **Ví dụ 2.3** (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 08/12/11, bán ống PEHD các loại cho Công ty TNHH ITV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.948.150đ. Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt. Trị giá vốn là 13.719.500đ.

(+ Trị giá tồn đầu tháng 12 của ống PEHD các loại là 20.493.500đ

Trong đó:

Ống PEHD 63x3.0x100m-PE100:  $300m \times 29.905đ = 8.971.500đ$

Ống PEHD 32x2.0x200m-PE100:  $400m \times 9.980đ = 3.992.000đ$

Ống PEHD 25x2.0x200m-PE100:  $200m \times 7.200đ = 1.440.000đ$

Ống PEHD 90x4.3x25m-PE100:  $100m \times 60.900đ = 6.090.000đ$

+ Ngày 03/12, công ty nhập 100mét Ống PEHD 90x4.3x25m-PE100 của Công ty TNHH ITV Nhựa Bình Minh Miền Bắc(NBM). Đơn giá 61.200đ/m. Tổng tiền thanh toán là 6.732.000đ. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.)

(☞ Trị giá vốn: 13.719.500đ

Ống PEHD 63x3.0x100m-PE100:  $100 \times 29.905 = 2.990.500đ$

Ống PEHD 32x2.0x200m-PE100:  $50 \times 9.980đ = 499.000đ$

Ống PEHD 25x2.0x200m-PE100:  $150 \times 7.200đ = 1.080.000đ$

Ống PEHD 90x4.3x25m-PE100:  $100 \times 60.900đ + 50 \times 61.200 = 9.150.000đ$ )

▲ Kế toán định khoản:

+ Nợ TK111: 15.342.965

Có TK511: 13.948.150

Có TK3331: 1.394.815

+ Nợ TK632: 13.719.500

Có TK156: 13.719.500

▲ Căn cứ vào Phiếu xuất kho (Biểu 2.6), kế toán vào Sổ nhật ký chung(Biểu 2.3), Sổ cái TK632(Biểu 2.7).

**Ví dụ 2.4** (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2)

Ngày 20/12/11, Công ty bàn giao hạng mục công trình Nước sạch tự chảy Xã Vũ Tại - Huyện Hoà Bình cho Công ty Cổ phần xây dựng thuỷ lợi Quảng Ninh, (công trình này được khởi công từ ngày 06/10/11) với số tiền là 2.500.000.000 (cả VAT 10%). Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên. Trị giá vốn công trình: 2.080.132.500đ.

▲ Kế toán định khoản

+ Nợ TK131: 2.500.000.000

Có TK511: 2.272.727.273

Có TK3331: 227.272.727

+ Nợ TK632: 2.080.132.500

Có TK154: 2.080.132.500

▲ Căn cứ vào Hoá đơn GTGT0000035 (Biểu 2.5), kế toán lập Phiếu kế toán số 16 (Biểu 2.8). Từ hoá đơn, Phiếu kế toán, kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.3), sổ cái TK632 (Biểu 2.7)



**C.TY C.P TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số 02 - VT**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Số: 10

Nợ: TK632: 13.719.500

Có: TK156: 13.719.500

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Mạnh Hùng Địa chỉ(bộ phận): bán hàng
- Lý do xuất kho: Xuất bán ống PEHD các loại
- Xuất tại kho (ngăn lô): hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Ống PEHD 63x3.0x100m-PE100		Mét	100	100	30.338	3.033.800
2	Ống PEHD 32x2.0x200m-PE100		Mét	50	50	10.087	504.350
3	Ống PEHD 25x2.0x200m-PE100		Mét	150	150	7.700	1.155.000
4	Ống PEHD 90x4.3x25m-PE100		Mét	150	100	60.900	6.090.000
					50	61.200	3.060.000
Cộng				450	450		13.719.500

- Tổng số tiền(viết bằng chữ): **Mười ba triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng.**

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 Hoá đơn GTGT0000028.

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.6: Phiếu xuất kho số 10**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số 16

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>TK NỢ</b>	<b>TK CÓ</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
1	Giá vốn công trình cấp nước sạch tự chảy xã Vũ Tái – Hoàn Bò	632	154	2.080.132.500
<b>Cộng</b>				<b>2.080.132.500</b>

Bằng chữ: **Hai tỷ không trăm tám mươi triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng.**

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.8: Phiếu kế toán số 16**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03b - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán      Số hiệu: 632

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...	...	...	...			...	...	
08/12	PX10	08/12	Xuất kho bán Ống PEHD các loại			156	13.719.500	
...	...	...	...			...	...	
11/12	PX13	11/12	Xuất kho bán gạch 2 lỗ A1G			156	12.318.200	
...	...	...	...			...	...	
20/12	PKT16	20/12	Trị giá vốn công trình			154	2.080.132.500	
...	...	...	...			...	...	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển giá vốn			911		9.698.395.632
			Cộng phát sinh				<b>9.698.395.632</b>	<b>9.698.395.632</b>
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.7: Trích sổ cái tài khoản 632**

### 2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.

#### a. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi.
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Và các chứng từ khác có liên quan...

#### b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 642.

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

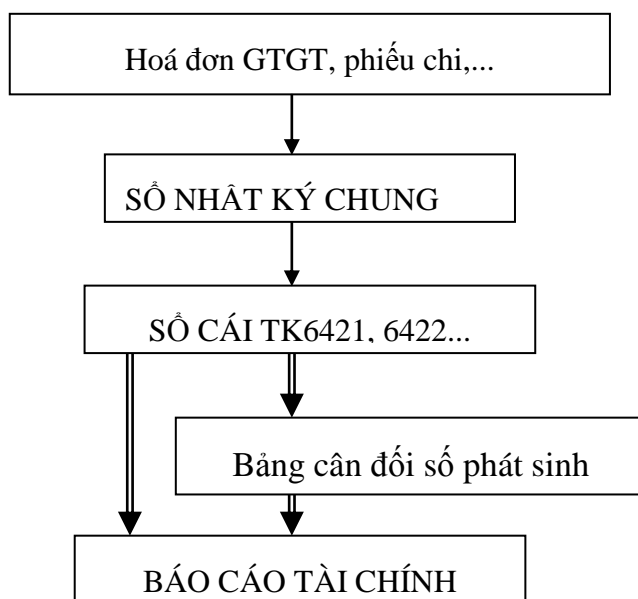
Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng.

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### c. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Hàng ngày, căn cứ vào Hoá đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội...kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào Sổ nhật ký chung. Sau đó tiến hành vào Sổ cái TK6421, 6422...

Cuối kỳ, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.



**Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**

#### **Ghi chú:**

- Ghi cuối kỳ  $\Rightarrow$
- Ghi hàng ngày  $\Rightarrow$

***Ví dụ minh họa:***

**Ví dụ 2.5:**

*Ngày 15/12/2011, công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại tháng 11 của cửa hàng.*

▲ Kế toán định khoản:

Nợ TK6421: 344.090

Nợ TK133: 34.409

Có TK111: 378.499

▲ Căn cứ vào Hoá đơn dịch vụ viễn thông(*Biểu 2.9*), kế toán lập phiếu chi số 12/12(*Biểu 2.10*).

Từ bút toán trên, kế toán vào Sổ nhật ký chung(*Biểu 2.11*) và Sổ cái TK6421(*Biểu 2.12*).

**Ví dụ 2.6:**

*Ngày 25/11/2011, thanh toán tiền tiếp khách cho ông Lê Trung Trữ – Trưởng phòng kỹ thuật thi công, Số tiền 2.255.000đ.*

▲ Kế toán định khoản:

Nợ TK6422: 2.050.000

Nợ TK133: 205.000

Có TK111: 2.255.000

▲ Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán ngày 25/11 của Ông Lê Trung Trữ (*Biểu 2.13*), Hoá đơn GTGT0002103( *Biểu 2.14*) và kế toán viết Phiếu chi số 20/12 (*Biểu 2.15*).

Từ các chứng từ trên, kế toán tiến hành vào Sổ Nhật ký chung(*Biểu 2.11*) và Sổ cái TK6422(*Biểu 2.16*).



**HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)**  
**TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE(VAT)**  
 Liên 2: Giao khách hàng(Customer)

Mẫu số: 01GTKT2/001  
**Ký hiệu**(Serial No):AD/11T  
**Số**(No): **0117934**

Mã số thuế 

5	7	0	0	1	0	1	4	3	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Viễn thông(Telecommunication): Quảng Ninh

Địa chỉ:.....

Tên khách hàng(Customer's name): Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông

Địa chỉ(Address): Thôn Tân Lập - Hồng Thái Đông – Đông Triều - Quảng Ninh

Số điện thoại(Tel): 0333.589340(1máy) Mã số(code): 0804458000 – (81000019)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment).....

MST: 

5	7	0	1	1	0	1	2	4	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	A.Cước các DV di động phát sinh 11/2011 B.Cước chuyển vùng không chịu thuế 11/2011				344.090
Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					344.090
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					34.409
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					378.499

Số tiền viết bằng chữ (In words): **Ba trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

*Ngày 15 tháng 12 năm 2011*

**Người nộp tiền ký**  
 (Signature of paper)

**Nhân viên giao dịch ký**  
 (Signature of dealing staff)

**Biểu 2.9: Hoá đơn dịch vụ viễn thông**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số 02 -TT**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 15 tháng 12 năm 2011*

Số: 12/12

Nợ: TK6421: 344.090

Nợ: TK133: 34.409

Có: TK111: 378.499

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011

Số tiền: **378.499**(Viết bằng chữ): **Ba trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn 0117934

*Ngày 15 tháng 12 năm 2011*

**Giám đốc**

(Ký, họ tên,  
đóng dấu)

**Kế toán**

**trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

**Người lập**

**phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**

**tiền**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):**Ba trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

**Biểu 2.10: Phiếu chi số 12/12**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số 05 -TT**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

*Ngày 25 tháng 12 năm 2011*

Kính gửi: Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Lê Trung Trữ

Bộ phận(Hoặc địa chỉ): Phòng kỹ thuật

Nội dung thanh toán: Chi tiền tiếp khách ngày 23 tháng 11 năm 2011

Số tiền: **2.255.000** (Viết bằng chữ): **Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng.**

*(Kèm theo 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT 0002103)*

**Người đề nghị thanh toán**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người duyệt**

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.13: Giấy đề nghị thanh toán**



**HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng  
Ngày 23 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: **0002103**

Đơn vị bán hàng: <b>Nhà hàng KORUNA Phương Nam</b>															
Mã số thuế: <b>5701224566</b>															
Địa chỉ: Yên Thanh – Uông Bí - Quảng Ninh															
Điện thoại: .....			Fax: .....												
Số tài khoản:..... Ngân hàng:.....															
Họ tên người mua hàng: Lê Trung Trữ															
Tên đơn vị: <b>Công ty C.P thương mại &amp; xây dựng Hoàng Hải Đông</b>															
Địa chỉ: Hồng Thái Đông – Đông Triều - Quảng Ninh															
Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....															
<b>Tiền mặt</b>															
Hình thức thanh toán: .....															
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>5</td><td>7</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>4</td><td>5</td> </tr> </table>						5	7	0	1	1	0	1	2	4	5
5	7	0	1	1	0	1	2	4	5						
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=4x5</b>										
01	Tiếp khách				2.050.000										
	/														
Cộng tiền hàng:.....					2.050.000										
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT:.....205.000										
					Tổng cộng tiền thanh toán:.....2.255.000										
Số tiền viết bằng chữ: <b>Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.</b>															
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>											
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											
*( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)															

**Biểu 2.14: Hoá đơn GTGT0002103**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số 02 -TT**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 25 tháng 12 năm 2011*

Số: 20/12

Nợ: TK6422: 2.050.000

Nợ: TK133: 205.000

Có: TK111: 2.255.000

Người nhận tiền: Lê Trung Trữ

Địa chỉ: Phòng Kỹ thuật

Lý do chi: Chi tiền tiếp khách ngày 23/12/2011

Số tiền: **2.255.000**(Viết bằng chữ): **Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn 0002103

*Ngày 25 tháng 12 năm 2011*

**Giám đốc**

(Ký, họ tên,  
đóng dấu)

**Kế toán**

**trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

**Người lập**

**phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**

**tiền**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): **Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

*(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).*

**Biểu 2.15: Phiếu chi số 20/12**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
 Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03a - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2011**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...
07/12	PC06/12	07/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm phục vụ quản lý			6422 111	230.000	230.000
			Thuế GTGT			133 111	23.000	23.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC12/12	15/12	Trả tiền điện tháng 11/2011			6421 111	344.090	344.090
			Thuế GTGT			133 111	34.409	34.409
...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/12	PC15/12	19/12	Mua bóng đèn dùng cho cửa hàng			6421 111	560.000	560.000
			Thuế GTGT			133 111	56.000	56.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/12	PC20/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho ông Trữu			6422 111	2.050.000	2.050.000
			Thuế GTGT			133 111	205.000	205.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh				<b>101.598.475.486</b>	<b>101.598.475.486</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.11: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2011**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
 Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03b - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 6421

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số	STT dòng	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...	...	...	...			...	...	
14/12	PC11/12	14/12	Chi tiền mua bình nước cho cửa hàng			111	150.000	
15/12	PC12/12	15/12	Trả tiền điện tháng 11/2011			111	344.090	
...	...	...	...			...	...	
19/12	PC15/12	19/12	Mua bóng đèn dùng cho cửa hàng			111	560.000	
...	...	...	...			...	...	
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		84.204.562
			Cộng phát sinh				<b>84.204.562</b>	<b>84.204.562</b>
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.12: Trích sổ cái tài khoản 6421**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03b - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 6422

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số	STT dòng	TKDU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...	...	...	...			...	...	
07/12	PC06/12	07/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm phục vụ quản lý			111	230.000	
...	...	...	...			...	...	
18/12	PC14/12	18/12	Mua 1 bộ bàn ghế phục vụ văn phòng			111	2.258.000	
...	...	...	...			...	...	
25/12	PC20/12	25/12	Thanh toán tiền tiếp khách cho Ông Trữ			111	2.050.000	
...	...	...	...			...	...	
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911		154.518.983
			Cộng phát sinh				<b>154.518.983</b>	<b>154.518.983</b>
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.16: Trích sổ cái tài khoản 6422**

## 2.2.2. Kế toán hoạt động tài chính tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông. (Kế toán doanh thu hoạt động tài chính)

### 2.2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Công ty chú trọng vào việc bán hàng và xây dựng các công trình nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Vì vậy doanh thu hoạt động tài chính chỉ phát sinh do các khoản lãi nhận từ ngân hàng.

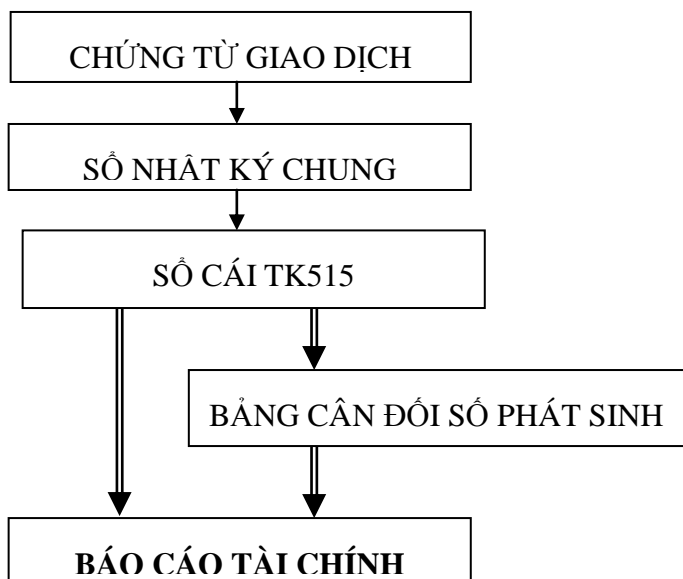
### 2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Chứng từ giao dịch của ngân hàng.
- Và các chứng từ liên quan...

### 2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh Doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

### 2.2.2.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



**Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Ghi chú:**

Ghi cuối kỳ                     $\Longrightarrow$

Ghi hàng ngày                $\longrightarrow$

***Ví dụ minh họa:***

***Ví dụ 2.7:***

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhập lãi tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh Đông Triều số tiền 354.300VNĐ theo Chứng từ giao dịch.*

▲ *Kế toán định khoản:*

*Nợ TK112: 354.300*

*Có TK515: 354.300*

▲ *Căn cứ vào Chứng từ giao dịch (Biểu 2.17) , kế toán vào Sổ Nhật ký chung(Biểu 2.18) và Sổ cái TK515(Biểu 2.19).*

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**  
Chi nhánh Mạo Khê- Quảng Ninh  
Mã số thuế của CN: 5700101235  
**CHỨNG TỪ GIAO DỊCH**

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 801212A000000210

<b>Tên khách hàng</b> (Customer Name) CTY CP TM & XD HOANG HAI DONG Hồng Thái Đông-Đông Triều-Quảng Ninh Mã số thuế của KH	<b>Ngày giao dịch</b> (Date) 31/12/2011
---	--

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

- Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.  
(We have debited the following amount from your account/or received by cash.)
- Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.  
(We have credited the following amount to your account/or paid by cash.)

<b>Diễn giải</b> (Description)	<b>Biên lai lãi tiền gửi</b>		
<b>Số TK</b> (A/C No.)	8012201001189	<b>Số GD</b> (Ref)	801212TT101000034

<b>Chi tiết</b> (Item)	<b>Số tiền</b> (Amount)			<b>Diễn giải</b> (Remark)
<b>Lãi nhập gốc</b>	D	VND	354.300	31/12/2011
<b>Tổng</b>		VND	354.300	

**First Interest Amount : 354.300**

**Term: 01/12/2011-31/12/2011**

**Base Rate: 2.4 + Interest Rate: 0 = 2.4%**

Người in: Vũ Ngọc Nga

D: Nợ, C: Có Trang: 1/1

Ngày in: 31/12/2011

Giờ in: 15:16:50

TEL:

FAX:

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

**Biểu số 2.17: Chứng từ giao dịch**



**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
 Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03a - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang số	STT dòng	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...		...	...	...	...
31/12	CTGD	31/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12			112 515	354.300	354.300
...	...	...	...		...	...	...	...
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			511 911	9.977.382.158	9.977.382.158
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911 632	9.698.395.632	9.698.395.632
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			911 642	238.723.545	238.723.545
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515 911	1.726.100	1.726.100
31/12	PKT26	31/12	Xác định thuế TNDN			821 3334	10.497.270	10.497.270
31/12	PKT27	31/12	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành			911 821	10.497.270	10.497.270
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển lãi			911 421	31.491.811	31.491.811
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>101.598.475.486</b>	<b>101.598.475.486</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.18: Trích sổ nhật ký chung tháng 12/2011**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
 Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03b - DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng  
 BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...	...	...	...			...		...
31/12	CTGD	31/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12			112		354.300
...	...	...	...			...		...
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	1.726.100	
			Cộng phát sinh				<b>1.726.100</b>	<b>1.726.100</b>
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.19: Sổ cái tài khoản 515**

### **2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông**

#### ***a. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty***

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính vào bên Nợ của TK911. Đồng thời kết chuyển Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh vào bên Có của TK911.

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có của TK911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK421:

Nợ TK421

Có TK911

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có của TK911 thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp nhà nước như sau:

**Thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK911 – SPS bên Nợ TK911**

**Thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN(25%)**

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421–Lợi nhuận sau thuế:

Nợ TK911

Có TK421

#### ***b. Chứng từ sử dụng***

Phiếu kế toán

#### ***c. Tài khoản sử dụng***

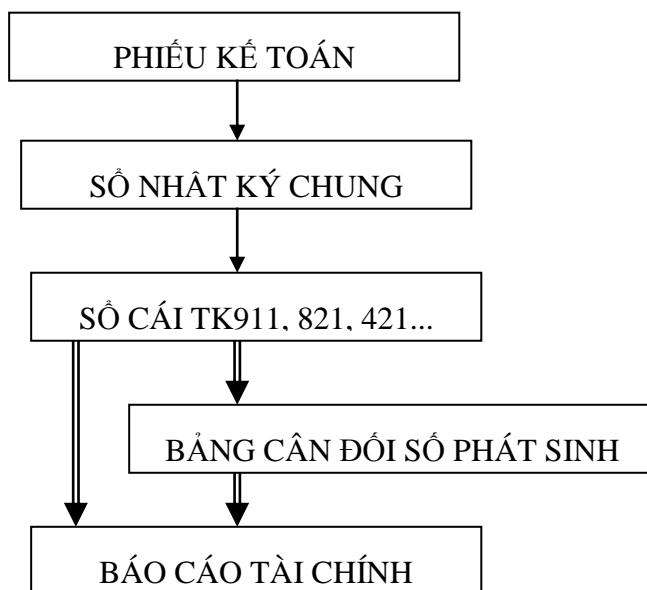
Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Và các tài khoản liên quan.

#### d. Sơ đồ hạch toán



#### **Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

##### **Ghi chú:**

Ghi cuối kỳ  $\Longrightarrow$

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Cuối kỳ, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ được ghi chép vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan. Số liệu trên Sổ cái được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

##### **Ví dụ minh họa**

##### **Ví dụ 2.8**

Cuối tháng 12, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2011.

Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	9.977.382.158
+ Giá vốn hàng bán:	9.698.395.632
+ Chi phí quản lý kinh doanh:	238.723.545
+ Doanh thu hoạt động tài chính:	1.726.100

☞ Tổng phát sinh bên Có TK911:

KC Doanh thu thuần:	9.977.382.158
KC Doanh thu hoạt động tài chính	1.726.100
<b>Tổng</b>	<b>9.979.108.258</b>

☞ Tổng phát sinh bên Nợ TK911:

KC Giá vốn hàng bán:	9.698.395.632
KC Chi phí quản lý kinh doanh:	238.723.545
<b>Tổng</b>	<b>9.937.119.177</b>

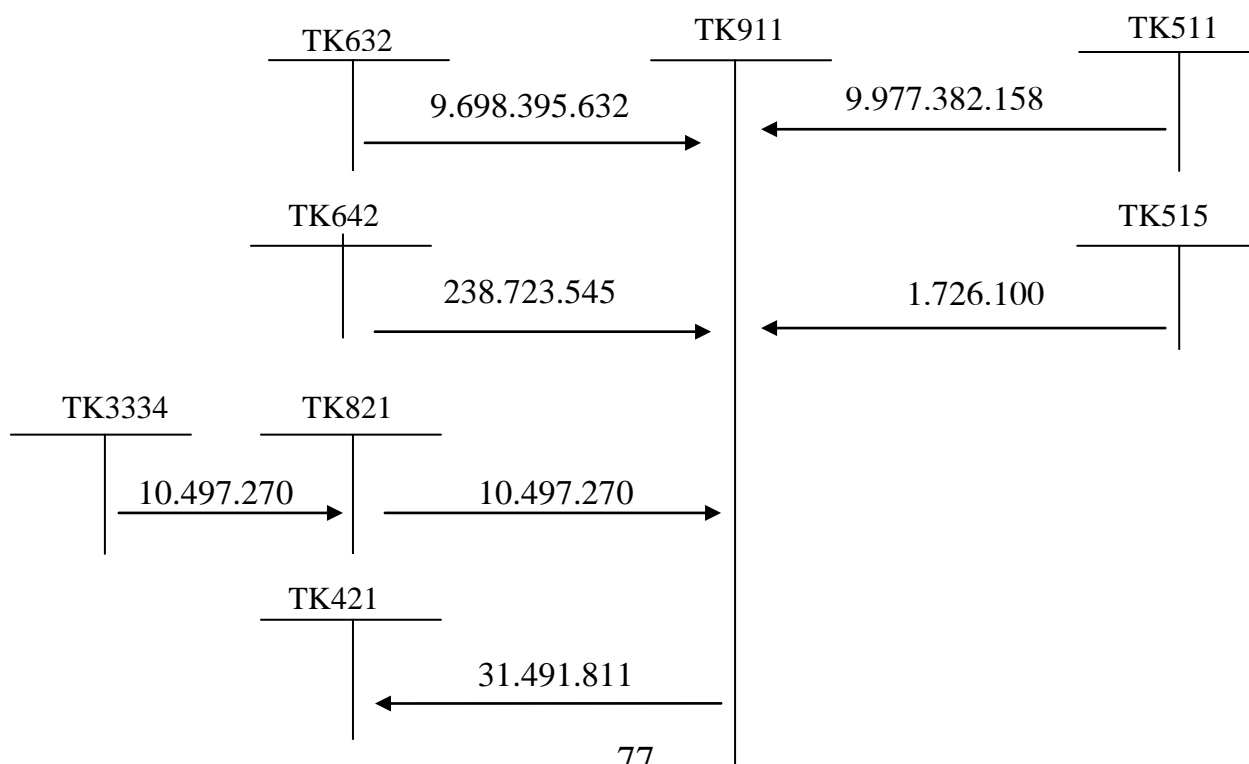
☞ Thu nhập chịu thuế = 9.979.108.258 - 9.937.119.177 = 41.989.081

☞ Thuế TNDN phải nộp = 41.989.081 x 25% = 10.497.270

Lợi nhuận sau thuế TNDN = 41.989.081 - 10.497.270 = 31.491.811

Sau khi xác định lãi, kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang tài khoản 421.

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí được khái quát bằng sơ đồ sau:



▲ Kế toán định khoản:

+ Nợ TK511: 9.977.382.158

Nợ TK515: 1.726.100

Có TK911: 9.979.108.258

+ Nợ TK911: 9.937.119.177

Có TK632: 9.698.395.632

Có TK642: 238.723.545

+ Nợ TK821: 10.497.270

Có TK3334: 10.497.270

+ Nợ TK911: 10.497.270

Có TK821: 10.497.270

+ Nợ TK911: 31.491.811

Có TK421: 31.491.811

▲ Kế toán lập

Phiếu kế toán số 22 - Kết chuyển doanh thu thuần (*Biểu 2.20*).

Phiếu kế toán số 23 - Kết chuyển Giá vốn hàng bán (*Biểu 2.21*).

Phiếu kế toán số 24 - Kết chuyển Chi phí quản lý kinh doanh (*Biểu 2.22*).

Phiếu kế toán số 25 - Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính (*Biểu 2.23*).

Phiếu kế toán số 26 - Xác định thuế TNDN (*Biểu 2.24*)

Phiếu kế toán số 27 - Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành (*Biểu 2.25*).

Phiếu kế toán số 28 - Kết chuyển lãi (*Biểu 2.26*).

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, kế toán vào Sổ nhật ký chung(*Biểu 2.18*).

Từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK821(*Biểu 2.27*), TK911(*Biểu 2.28*), TK421(*Biểu 2.29*).

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số 22

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	9.977.382.158
	<b>Cộng</b>			<b>9.977.382.158</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 22**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số 23

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	9.698.395.632
	<b>Cộng</b>			<b>9.698.395.632</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 23**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số 24

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	6421	84.204.562
		911	6422	154.518.983
	<b>Cộng</b>			<b>238.723.545</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 24**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số 25

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.726.100
	<b>Cộng</b>			<b>1.726.100</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 25**



**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số 26

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	10.497.270
	<b>Cộng</b>			<b>10.497.270</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.24: Phiếu kế toán số 26**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số 27

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	10.497.270
	<b>Cộng</b>			<b>10.497.270</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.25: Phiếu kế toán số 27**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số 28

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển lãi	911	421	31.491.811
	<b>Cộng</b>			<b>31.491.811</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Biểu 2.26: Phiếu kế toán số 28**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
 Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03b - DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
31/12	PKT26	31/12	Xác định thuế TNDN			3334	10.497.270	
31/12	PKT27	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911		10.497.270
			Cộng phát sinh				<b>10.497.270</b>	<b>10.497.270</b>
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.27: Sổ cái tài khoản 821**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
 Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03b - DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			511		9.977.382.158
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	9.698.395.632	
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			642	238.723.545	
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		1.726.100
31/12	PKT27	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành			821	10.497.270	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển lãi			421	31.491.811	
			Cộng phát sinh				<b>9.979.108.258</b>	<b>9.979.108.258</b>
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.28: Sổ cái tài khoản 911**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S03b - DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐU'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					10.448.872
			Số phát sinh					
15/06	PC10/06	15/06	Tiền phạt vi phạm lỗi hành chính			111	1.100.000	
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển lãi			911		31.491.811
			Cộng phát sinh				1.100.000	31.491.811
			Số dư cuối kỳ					<b>40.840.683</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.29: Sổ cái tài khoản 421**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số B02 - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	9.977.382.158	4.220.137.474
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>9.977.382.158</b>	<b>4.220.137.474</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		9.698.395.632	3.971.570.718
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>278.986.526</b>	<b>248.566.756</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.726.100	897.800
7	Chi phí tài chính	22			
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		238.723.545	225.386.418
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)</b>	<b>30</b>		<b>41.989.081</b>	<b>24.078.138</b>
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>			
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>41.989.081</b>	<b>24.078.138</b>
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	IV.09	10.497.270	6.019.535
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>31.491.811</b>	<b>18.058.603</b>

*Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2012*

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.30: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011**

**CHƯƠNG III**  
**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG**

**3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, mặt dù còn gặp nhiều khó khăn trong công việc kinh doanh, nhưng trong những năm qua công ty đã từng bước đi vào ổn định với cơ chế mới, phát triển về quy mô và năng lực, mở rộng kinh doanh, tạo được uy tín đối với khách hàng, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế mà công ty đã đề ra, thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

**3.1.1. Ưu điểm**

✦ Thứ nhất: Về trang thiết bị

Công ty đã định hướng đúng đắn và có những phương pháp cải tiến kỹ thuật phù hợp trong từng giai đoạn, mua sắm trang thiết bị hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả lao động. Công ty đã và đang ngày một cải tiến để đáp ứng những nhu cầu của thị trường.

✦ Thứ hai: Về tổ chức bộ máy kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, phù hợp với tình hình thực tế của công ty có quy mô vừa và nhỏ, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát, đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác. Qua đó, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm bắt được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các cơ quan nhà nước cũng có thể nắm bắt được các thông tin về công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát.

Đội ngũ kế toán có trình độ cao, mỗi nhân viên được phân công nhiệm vụ và quyền hạn nhất định, tránh chồng chéo nhiệm vụ nên độ chính xác cao, giảm được nhiều sai sót và bảo vệ được thông tin nội bộ quan trọng.

✦ Thứ ba: Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách, sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Do vậy, mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

✦ Thứ tư: Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do nhà nước quy định (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

✦ Thứ năm: Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhìn chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty đã cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ. Do đó cung cấp số liệu giúp cho các nhà quản lý đưa ra được những quyết định đúng đắn phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

-Về công tác kế toán doanh thu: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng, xây dựng công trình đều được phản ánh kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho



kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà quản trị công ty.

-Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong công ty đều được quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

-Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh tại công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế tại công ty.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

✦ Thứ nhất: Về việc hạch toán chi phí.

+ Cùng với việc tăng doanh thu trong năm 2011 thì các khoản chi phí phát sinh tại công ty cũng tăng khá cao làm cho lợi nhuận giảm. Nguyên nhân chủ yếu của việc gia tăng này là do ảnh hưởng của giá vốn hàng bán ở cả hai lĩnh vực thương mại và xây dựng.

+ Đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Hiện công ty chưa quy định mức phí rõ ràng đối với các khoản chi phí như tiếp khách, chi công tác, điện thoại, điện nước... nên chưa hạn chế được các khoản chi phí này một cách tối đa nhất.

✦ Thứ hai: Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi.

Hiện nay, công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

✦ Thứ ba: Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty kinh doanh hai lĩnh vực chính là bán hàng và xây dựng. Khối lượng công việc phát sinh không nhiều nhưng lại phức tạp. Tuy nhiên, khi hạch toán doanh thu, công ty chỉ lập Sổ nhật ký chung và Sổ cái chứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...

Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu sổ sách kế toán. Đồng thời không theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng, công trình cụ thể, công ty sẽ khó xác định được lợi nhuận gộp của từng loại.

✦ Thứ tư: Về việc quản lý tài chính.

Khoản tiền gửi tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank của công ty là rất nhỏ do khi phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến tiền gửi, công ty đều rút hết tiền về nhập quỹ tiền mặt. Điều này làm cho doanh thu hoạt động tài chính thấp.

✦ Thứ năm: Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.

Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất nhiều thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả....chính vì thế mà báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG**

### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.**

Ngày nay, kế toán không chỉ đơn thuần là công việc tính toán về sự luân chuyển hàng hóa và vốn trong các đơn vị, mà nó còn là bộ phận chính của hệ thống thông tin kinh tế, công cụ thiết yếu để quản lý kinh tế trong các đơn vị. Để có thể thực hiện tốt vai trò của mình thì yêu cầu quản lý hoàn thiện công tác kế toán cho phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế và đáp ứng yêu cầu quản lý luôn là vấn đề quan trọng. Thực hiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp sẽ cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, đầy đủ giúp lãnh đạo doanh nghiệp thấy được thực tế hoạt động kinh doanh của công ty mình như thế nào, những mặt mạnh, mặt yếu, từ đó có phương hướng để tiếp tục phát triển.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một phần hành quan trọng không thể thiếu được trong công tác kế toán ở mỗi doanh nghiệp. Tuy

nhiên, ở mỗi công ty khác nhau thì công tác kế toán này cũng khác nhau. Tại Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông, mặc dù có những ưu điểm nhất định nhưng cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trở nên rất cần thiết. Hơn nữa, vì công ty mới được thành lập chưa lâu nên việc hoàn thiện này càng có ý nghĩa quan trọng hơn. Điều này sẽ giúp công ty hạch toán chi tiết hơn các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, đồng thời lập đầy đủ sổ sách kế toán, tăng cường quản lý chi phí. Qua đó cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo công ty cũng như các đối tượng liên quan.

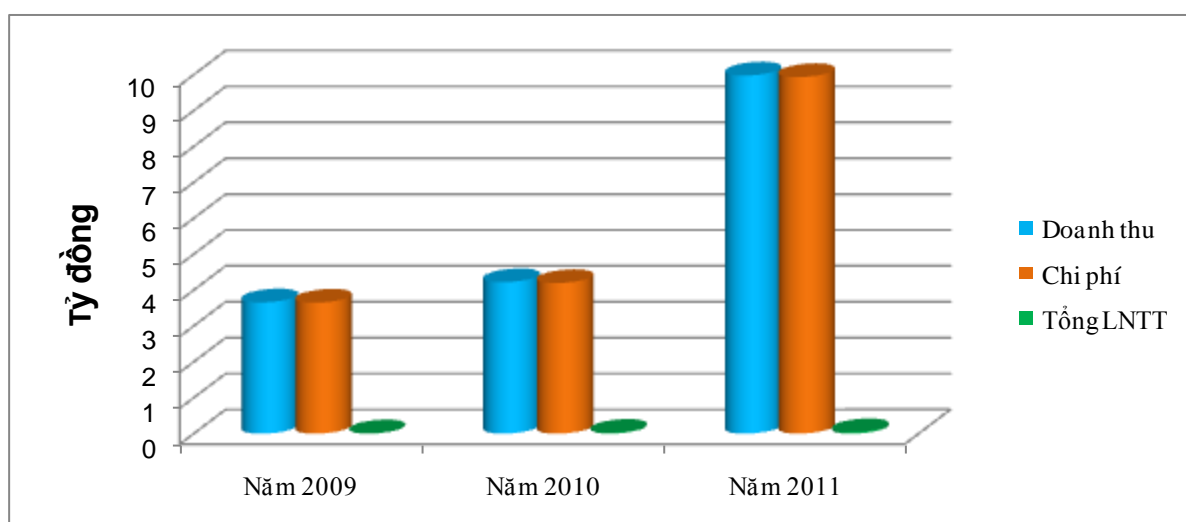
### **3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.**

#### **3.2.2.1. Về việc hạch toán chi phí**

**a. So sánh các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí theo từng lĩnh vực hoạt động giai đoạn 2009 – 2011.**

*(1). So sánh doanh thu, chi phí, tổng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2009 - 2011.*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Biến động 2009 - 2010		Biến động 2010 – 2011	
				Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu	3.657.910.000	4.221.035.274	9.979.108.258	563.125.274	15.39 %	5.758.072.984	136.4 %
Chi phí	3.649.580.259	4.196.957.136	9.937.119.177	547.376.877	14.99 %	5.740.162.041	136.77 %
Tổng LNTT	8.329.741	24.078.138	41.989.081	15.748.397	189 %	17.910.943	74.39 %



**Biểu đồ 3.1: Biểu đồ so sánh biến động doanh thu, chi phí, tổng LNTT**

**Giai đoạn 2009 – 2011**

***Nhận xét:***

Dựa vào biểu đồ trên ta thấy, Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có xu hướng tăng dần qua các năm. Tuy nhiên, để đưa ra các kết luận cụ thể, ta đi vào phân tích chi tiết:

***Giai đoạn 2009 - 2010:***

Doanh thu tăng 563.108.258đ (tương đương với tỷ lệ 15.39%). Trong khi đó, chi phí cũng tăng với số tiền là 547.376.877đ (tương đương với tỷ lệ 14.99%). Doanh thu tăng, chi phí tăng đã làm cho Tổng lợi nhuận trước thuế biến đổi. Cụ thể, Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 15.748.397đ (tỷ lệ tăng 189%). Đây là mức tăng khá cao, điều này cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2010 rất tốt so với năm 2009.

***Giai đoạn 2010 – 2011:***

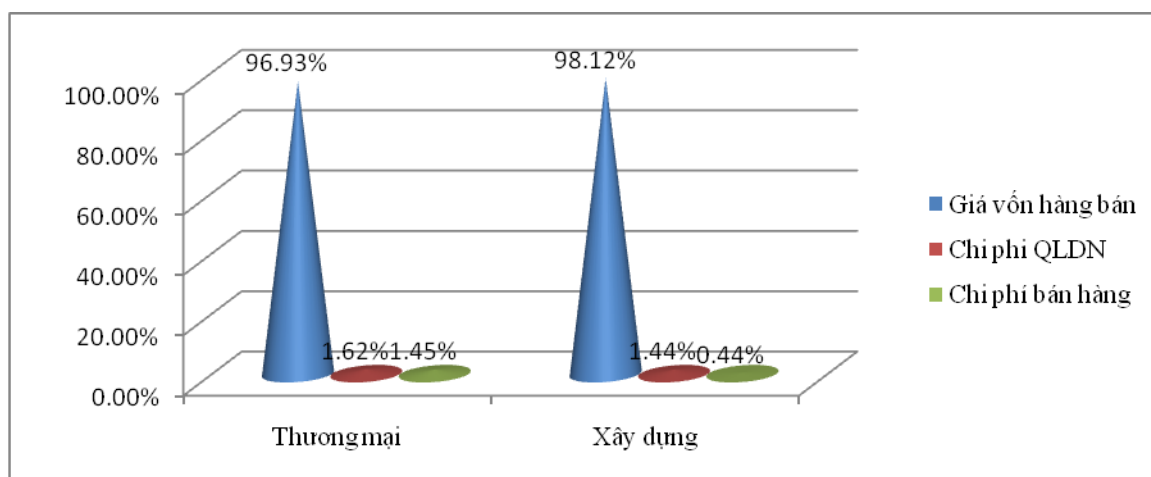
Doanh thu tăng cao với tỷ lệ 136.4%(tương ứng tăng 5.758.072.984đ). Cùng với việc tăng doanh thu thì trong năm 2011, khoản mục chi phí cũng tăng lên đáng kể với mức tăng 136.77 %. Điều này cho thấy tốc độ tăng của chi phí tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu. Mức tăng cao của chi phí đã làm cho Lợi nhuận trước thuế trong năm 2011 giảm 114.61% so với năm 2010.

☞ Qua bảng phân tích và biểu đồ trên ta thấy, doanh thu tăng cao qua các năm, song chi phí cũng tăng với tốc độ cao hơn doanh thu, điều đó đã làm cho Tổng lợi nhuận trước thuế mặc dù có tăng về doanh số nhưng tỷ lệ tăng lại giảm trong năm 2011. Điều

này cho thấy, trong năm qua, công ty chưa có những biện pháp quản lý hợp lý trong việc cân bằng giữa doanh thu và chi phí, làm cho mức tăng của lợi nhuận trước thuế giảm đi.

**(2). So sánh tỷ trọng các nhân tố chi phí theo lĩnh vực năm 2011**

Chỉ tiêu	Thương mại		Xây dựng	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Giá vốn hàng bán	3.788.446.486	96,93%	6.239.884.586	98,12%
CP QLDN	63.208.179	1,62%	91.310.804	1,44%
CP bán hàng	56.482.909	1,45%	27.721.653	0,44%
Tổng chi phí	3.908.137.574	100%	6.358.917.043	100%



**Biểu đồ 2.2: Biểu đồ so sánh tỷ trọng chi phí theo lĩnh vực năm 2011**

**Nhận xét:**

Qua biểu đồ và bảng trên ta thấy: trong tổng chi phí ở cả hai lĩnh vực trên thì giá vốn hàng bán đều chiếm tỷ trọng rất cao (96,93% ở lĩnh vực thương mại, 98,12% ở xây dựng). Trong khi đó, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ không đáng kể. Điều này cho thấy, công tác quản lý chi phí giá vốn hàng bán ở công ty hoạt động chưa hiệu quả.

Nguyên nhân làm cho giá vốn hàng bán cao có thể là do:

- Lĩnh vực thương mại:

Vật liệu xây dựng là loại mặt hàng luôn luôn biến động. Phần lớn là biến động theo chiều hướng tăng. Là công ty mới thành lập nên việc tìm cho mình những nguồn cung cấp hàng hoá vừa đảm bảo chất lượng, vừa đảm bảo hợp lý về giá cả cũng trở

nên khó khăn hơn. Nhất là trong giai đoạn nền kinh tế như hiện nay, mặc dù vật liệu xây dựng trong nước đang ở tình trạng dư cung, nhưng giá vật liệu vẫn tăng với lý do chi phí sản xuất tăng. Năm 2011, nhiều yếu tố vĩ mô bất lợi tác động xấu đến các doanh nghiệp: mặt bằng lãi suất ở mức cao, tỷ giá được điều chỉnh tăng 9.3%, giá điện, giá than được điều chỉnh theo cơ chế thị trường và có mức tăng đột biến. Ngoài ra, chi phí vận chuyển tăng cũng là nguyên nhân khiến giá trên thị trường vật liệu xây dựng tăng. Điều này cũng phần nào ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào của công ty, là một trong những nguyên nhân làm cho giá vốn hàng bán tăng cao, trong khi giá vật liệu bán ra lại ở mức thấp (nhằm thu hút khách hàng, đồng thời cạnh tranh với các công ty cùng ngành).

- Lĩnh vực xây dựng:

Đặc thù của ngành xây dựng là quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian dài. Đặc điểm này làm cho việc tổ chức quản lý và hạch toán chi phí tại công ty trở nên khó khăn. Mặt khác, do các công trình thi công mà công ty nhận thầu đều ở địa bàn xa, đường đi khó khăn (có những công trình phải đi ở địa hình rừng núi, xe ô tô không vào được đến nơi, phải đi chuyển hơn 1km đường bộ. VD: Công trình Khe Tao – Tiên Yên, Công trình xã Kỳ Thượng – Ba Chẽ) làm cho chi phí vận chuyển tăng cao.

Quá trình từ khi khởi công công trình cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường là dài, nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại bao gồm nhiều công việc khác nhau. Các công việc chủ yếu thực hiện ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn của thời tiết, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Vì vậy, việc tập hợp chi phí kéo dài, phát sinh nhiều khoản chi phí ngoài dự toán như chi phí thuê nhân công vận chuyển, bốc dỡ, chi phí thuê máy móc, chi phí ăn ở, đi lại cho công nhân..., chi phí không ổn định và phụ thuộc nhiều vào từng giai đoạn thi công. Đây là những nguyên nhân chính làm cho việc xác định giá vốn thiếu chính xác, giá vốn xây dựng còn tăng cao so với dự kiến.

## **b. Giải pháp về chi phí**

### **☛ Đối với giá vốn hàng bán**

▲ Thương mại:

+ Công ty nên tìm các nguồn cung cấp vật liệu đầu vào có chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

+ Tiết kiệm chi phí mua hàng: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...

+ Tuỳ theo biến động giá cả của thị trường mà mua hàng hoá với số lượng nhiều hay ít.

+ Tạo lập mối quan hệ chặt chẽ với nhà cung cấp, ký kết hợp đồng lâu dài, các cam kết về bình ổn giá cả trong một thời gian nhất định.

+ Công ty nên áp dụng hình thức bán buôn không qua kho (bán buôn vận chuyển thẳng) nhằm tiết kiệm chi phí lưu kho, lưu bãi...

▲ Xây dựng:

+ Tìm hiểu, khảo sát các công trình trước khi nhận thầu để xét xem việc thi công công trình có phù hợp với khả năng về vốn cũng như việc tập kết vật liệu, máy móc, thiết bị, nhân công đến nơi thi công có thuận tiện hay không.

+ Nâng cao năng suất lao động, nâng cao tự động hoá trong thi công xây dựng bằng cách sử dụng máy thi công hiện đại, thích hợp di chuyển trong mọi địa hình. (Hiện công ty đang sử dụng các loại máy xúc bằng lốp, công ty nên thay bằng máy xúc dây xích để thuận tiện di chuyển).

+ Đối với khoản chi phí nhân công: công ty nên so sánh giữa việc thuê nhân công tại địa bàn thi công và nhân công cố định tại công ty xem việc sử dụng nhân công nào hiệu quả hơn mà lại tốn ít chi phí hơn.

☞ **Đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Công ty nên quy định mức phí rõ ràng đối với các khoản chi phí như chi tiếp khách, chi công tác, điện thoại, điện nước... để tránh phát sinh những khoản chi không cần thiết, tiết kiệm chi phí một cách tối đa nhất. Theo định kỳ hoặc hàng năm, công ty cần phân tích, đánh giá lại tình hình quản lý, sử dụng chi phí. từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm và biện pháp phù hợp để có thể tiết kiệm chi phí trong thời gian tới.

### **3.2.2.2. Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi**

Hiện nay, trong địa bàn Tỉnh Quảng Ninh nói chung và Huyện Đông Triều nói riêng, có rất nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực thương mại và xây dựng. Do đó, việc các doanh nghiệp cạnh tranh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty không

áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy, để có thể thu hút được khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ được khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện tại của công ty.

#### ▲ Chiết khấu thương mại

Theo chuẩn mực kế toán Số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) thì: Chiết khấu thương mại là khoản chiết khấu mà doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Để hạch toán Chiết khấu thương mại, kế toán sử dụng tài khoản 5211 – “Chiết khấu thương mại”. Tài khoản 5211 dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc thanh toán cho người mua hàng, do họ đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

#### ✦ Quy định khi hạch toán Chiết khấu thương mại:

Căn cứ vào thông tư số 89/2002/TT-BTC hướng dẫn 4 chuẩn mực kế toán quy định:

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn (GTGT)” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 5211.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu



thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ.

- Trong kỳ chiết khấu thương mại phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại. Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được kết chuyển sang Tài khoản 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ hạch toán.

Công ty cần xây dựng mức chiết khấu thương mại cho phù hợp với tình hình thực tế tại công ty mình. Đối với những khách hàng mua hàng với số lượng lớn, công ty sẽ áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng căn cứ vào thoả thuận chiết khấu thương mại ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết mua bán hàng.

✦ Phương pháp hạch toán

Khi thực hiện chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK5211

Nợ TK3331

Có TK131,111,112...

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511:

Nợ TK511

Có TK5211

☞ Việc áp dụng chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hoá không những có thể giữ được khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách mới trong tương lai và có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, tạo cho khách hàng cảm giác được ưu đãi, ưu tiên với các chính sách của công ty, cho khách hàng thấy được sự quan tâm của công ty tới quý khách hàng.

▲ Chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

Để có thể thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình công ty mình. Để có thể thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh, công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình công ty mình.

Ví dụ: Đối với những khách hàng có khả năng thanh toán trong vòng 90 ngày.

-Nếu khách hàng thanh toán trong vòng 30 ngày đầu thì sẽ được hưởng mức chiết khấu 1.5%.

-Nếu khách hàng thanh toán tiền trong vòng 30 ngày tiếp theo thì sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, số tiền chiết khấu này được hạch toán vào tài khoản 635 – “Chi phí hoạt động tài chính”.

✦ Phương pháp hạch toán

Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK635

Có TK131,111,112

Cuối kỳ, kết chuyển khoản chiết khấu thanh toán sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Nợ TK911

Có TK635

***Ví dụ minh họa:***

*Tính đến ngày 31/12/2011, DNTN Vận tải Hồng Lạc còn nợ công ty số tiền 397.492.010đ. (Thời hạn thanh toán từ 21/12/2011 đến ngày 21/03/2012).*

- Nếu DNTN Vận tải Hồng Lạc thanh toán số tiền trên sớm 2 tháng thì sẽ được hưởng mức chiết khấu 1.5%.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là:  $397.492.010 \times 1.5\% = 5.962.380đ$

Số tiền công ty thực thu:  $397.492.010 - 5.962.380 = 391.529.630đ$

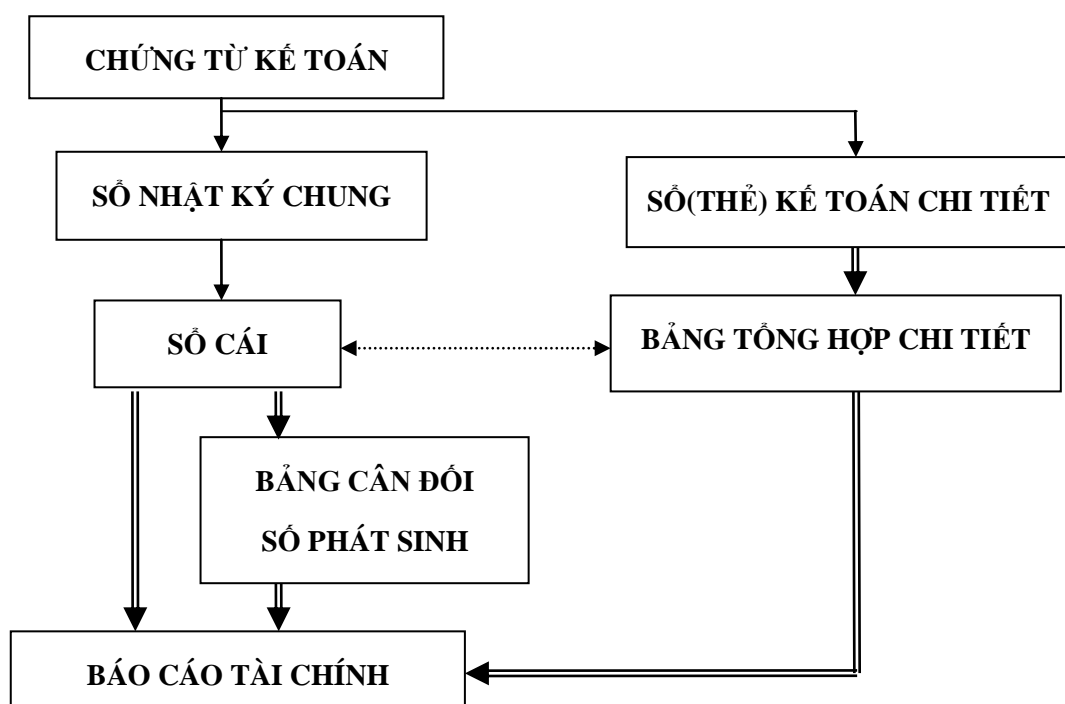
- Nếu DNTN Vận tải Hồng Lạc thanh toán số tiền trên sớm 1 tháng thì sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là:  $397.492.010 \times 1\% = 3.974.920đ$   
 Số tiền công ty thực thu:  $397.492.010 - 3.974.920 = 393.517.090đ$

### 3.2.2.3. Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán kế toán, công ty chỉ mới ghi Sổ cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng góp phần nắm được tình hình tiêu thụ của từng loại hàng hoá. Từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác hơn.

Sơ đồ minh họa khi lập Sổ chi tiết:



**Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán**

**Ghi chú:**

- Quan hệ đối chiếu            ←.....→
- Ghi cuối kỳ                    ==>
- Ghi hàng ngày                —>

✦ Đối với kế toán doanh thu, công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng loại hàng hoá, công trình. Có như vậy thì công ty mới nắm được tình hình tiêu thụ của từng mặt hàng, từng công trình.

Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại và chặt chẽ hơn.

### ***Ví dụ minh hoạ:***

#### ***Ví dụ 3.1:*** (Minh hoạ tiếp nghiệp vụ giá bán của ví dụ 2.1)

Ngày 08/12/11, bán ông PEHD các loại cho Công ty TNHH 1TV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.910.050đ. Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

▲ Căn cứ vào hoá đơn GTGT0000028(Biểu 2.1), kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ chi tiết bán hàng(Biểu 3.1).

Cuối tháng, số liệu trên Sổ chi tiết bán hàng của ông PEHD được tổng hợp vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

#### ***Ví dụ 3.2:*** (Minh hoạ tiếp nghiệp vụ của ví dụ 2.2)

Ngày 20/12/11, Công ty bàn giao hạng mục công trình Nước sạch tự chảy Xã Vũ Tại - Huyện Hoàn Bồ cho Công ty Cổ phần xây dựng thuỷ lợi Quảng Ninh, công trình này được khởi công từ ngày 06/10/11 và bàn giao ngày 25/12/11 với số tiền là 2.500.000.000(cả VAT 10%). Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

▲ Căn cứ vào hoá đơn GTGT0000035(Biểu 2.5), kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ chi tiết bán hàng(Biểu 3.2).

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**  
 Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S17 - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm(Hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Ống PEHD

Năm: 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			.....						
08/12	HĐ0000028	08/12	Bán ống PEHD63x3.0x100m-PE100 cho cty Hân Ngọc Phát	111	100	30.338	3.033.800		
08/12	HĐ0000028	08/12	Bán ống PEHD32x2.0x200m-PE100 cho cty Hân Ngọc Phát	111	50	10.087	504.350		
08/12	HĐ0000028	08/12	Bán ống PEHD25x2.0x200m-PE100 cho cty Hân Ngọc Phát	111	150	7.700	1.155.000		
08/12	HĐ0000028	08/12	Bán ống PEHD90x4.3x200m-PE100 cho cty Hân Ngọc Phát	111	150	61.700	9.255.000		
			.....						
			<b>Cộng số phát sinh</b>						
			<b>-Doanh thu thuần</b>						
			<b>-Giá vốn hàng bán</b>						
			<b>-Lãi gộp</b>						

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng**

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S17 - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm(Hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Công trình xây dựng Nước sạch tự chảy xã Vũ Tại - Huyện Hoành Bò

Từ ngày 06/10/2011 đến ngày 20/12/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
20/12	HD0000035	20/12	Xây dựng công trình nước sạch	131	1	2.272.727.273	2.272.727.273		
			<b>Cộng số phát sinh</b>				2.272.727.273		
			<b>-Doanh thu thuần</b>				2.272.727.273		
			<b>-Giá vốn hàng bán</b>				2.080.132.500		
			<b>-Lãi gộp</b>				192.594.773		

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu 3.2: Sổ chi tiết bán hàng**

✦ Đối với kế toán chi phí: Hiện tại, công ty chỉ lập Sổ cái cho các tài khoản 632,6421,6422...Như vậy thì không theo dõi được chi tiết từng khoản chi, gây khó khăn cho việc quản lý, Công ty nên mở “Sổ chi phí sản xuất kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi phí.

**Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 3.3:** (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 08/12/11, bán ống PEHD các loại cho Công ty TNHH ITV Hân Ngọc Phát. Tổng giá bán chưa thuế là 13.948.150đ. Khách hàng đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

▲ Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 10(Biểu 2.6), kế toán ghi chép bút toán của nghiệp vụ trên vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh(Biểu 3.3)

**Ví dụ 3.4:** (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2)

Ngày 20/12/11, Công ty bàn giao hạng mục công trình Nước sạch tự chảy Xã Vũ Tại - Huyện Hoàn Bồ cho Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Quảng Ninh, (công trình này được khởi công từ ngày 06/10/11) với số tiền là 2.500.000.000(cả VAT 10%). Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

▲ Căn cứ vào Phiếu kế toán(Biểu 2.8), kế toán ghi chép bút toán của nghiệp vụ trên vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh(Biểu 3.4)

**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S18- DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

-Tên sản phẩm, dịch vụ: Ống PEHD các loại

Năm 2011

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK632		
	Số hiệu	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...	...	...	.....	...	...	...	...
08/12	PX10	08/12	Bán ống PEHD63x3.0x100m-PE100	156	3.033.800	100	30.338
08/12	PX10	08/12	Bán ống PEHD32x2.0x200m-PE100	156	504.350	50	10.087
08/12	PX10	08/12	Bán ống PEHD25x2.0x200m-PE100	156	1.155.000	150	7.700
08/12	PX10	08/12	Bán ống PEHD90x4.3x25m-PE100	156	6.090.000	100	60.900
08/12	PX10	08/12	Bán ống PEHD90x4.3x25m-PE100	156	3.060.000	50	61.200
...	...	...	.....	...	...	...	...
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			Ghi có TK632	911			
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**



**C.TY CP TM & XD HOÀNG HẢI ĐÔNG**

Hồng Thái Đông - Đông Triều - Quảng Ninh

**Mẫu số S18- DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Năm 2011

-Tài khoản: 632

-Tên phân xưởng:.....

-Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình xây dựng Nước sạch tự chảy xã Vũ Tại - Huyện Hoàn Bô-Tài khoản:

632

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK632		
	Số hiệu	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
20/12	PKT16	20/12	Công trình xây dựng Nước sạch tự chảy	154	2.080.132.500	1	2.080.132.500
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			Ghi có TK632	911			
			Số dư cuối kỳ				

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

#### **3.2.2.4. Về việc quản lý tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty trong năm qua rất ít (1.726.100đ), trong khi tiền mặt tại quỹ lại cao, điều này sẽ gây rủi ro cho việc quản lý tài chính. Hiện nay, với chính sách quản lý của nhà nước về việc quy định lãi suất tiền gửi, công ty nên hạn chế việc giữ tiền mặt tại quỹ. Thay vào đó, công ty có thể thu được một khoản tiền nhờ hoạt động gửi tiền tại ngân hàng. Đây cũng là một cách đem lại doanh thu chung cho toàn công ty trong những năm tiếp theo.

#### **3.2.2.5. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.**

Công ty Hoàng Hải Đông là công ty kinh doanh hai lĩnh vực thương mại và xây dựng, tuy nhiên việc hạch toán kế toán còn thủ công, chưa giúp công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng công nghệ thông tin. Cụ thể là áp dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm giảm chi phí, không tốn nhiều thời gian mà đạt hiệu quả cao, hoàn thành các báo cáo tài chính đúng thời hạn quy định, không sai sót gây thiệt hại cho công ty. Song song với đó là việc đào tạo nhân viên sử dụng thành thạo vi tính văn phòng và thích ứng với phần mềm kế toán, từ đó giúp ban lãnh đạo có thông tin một cách chính xác để ra quyết định quản trị đúng và phù hợp với tình hình nền kinh tế hiện tại, việc áp dụng phần mềm kế toán là vô cùng cần thiết giúp ban lãnh đạo quản lý được chặt chẽ, kiểm soát được toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty mình. Tuy cũng phải bỏ ra một lượng vốn nhất định nhưng so với những chi phí phải bỏ ra thì đây là một cách sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, ESOF, ACMAN, SAS INNOVA, FAST...đây là các phần mềm rất hay và phổ biến trên thị trường. Khi sử dụng các phần mềm kế toán này, máy sẽ tự động chạy tất cả các số liệu vào các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển. Từ đó lập nên các báo cáo tài chính.

## KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2011 tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 48/2006QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung từ đó thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

- Đối với kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi chép một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- Đối với kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong công ty đều được quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

- Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị.

Tuy nhiên, công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

**Về việc hạch toán chi phí:** Các khoản chi phí phát sinh trong năm 2011 còn tăng khá cao, chủ yếu là do việc quản lý giá vốn hàng bán chưa hiệu quả, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

**Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi:** Hiện công ty chưa có các chính sách ưu đãi đối với khách hàng, góp phần làm giảm số lượng khách đến với công ty.

**Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán:** Khi hạch toán doanh thu, chi phí, công ty mới chỉ lập Sổ nhật ký chung và Sổ cái nên chưa theo dõi được chi tiết các loại mặt hàng và các công trình cụ thể.

**Về việc quản lý tài chính:** Việc quản lý tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty còn chưa hợp lý, do còn để tiền mặt tồn quỹ nhiều, dễ gây rủi ro, mất mát.

**Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán:** Hiện việc ghi chép kế toán tại công ty còn thủ công, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, kém hiệu quả.

Đề tài đã đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi

phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông như sau:

☞ **Về việc hạch toán chi phí:** Đưa ra các giải pháp cụ thể đối với việc quản lý giá vốn hàng bán ở cả hai lĩnh vực thương mại và xây dựng, giải pháp về việc quy định mức phí rõ ràng đối với các khoản chi như tiếp khách, điện thoại, điện nước...

☞ **Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi:** Công ty nên sử dụng chính sách chiết khấu thương mại với tỷ lệ hợp lý nhằm khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận. Xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình công ty mình.

☞ **Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán:** Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông, công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng góp phần nắm được tình hình tiêu thụ của từng loại hàng hoá.

☞ **Về việc quản lý tài chính:** Hiện nay, với chính sách quản lý của nhà nước về việc quy định lãi suất tiền gửi, công ty nên hạn chế việc giữ tiền mặt tại quỹ. Thay vào đó, công ty có thể thu được một khoản tiền nhờ hoạt động gửi tiền tại ngân hàng.

☞ **Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán:** Công ty cần đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin. Cụ thể là áp dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm giảm chi phí, không tốn nhiều thời gian mà đạt hiệu quả cao.

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG I .....	3
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	3
1.1. KHÁI QUÁT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	3
1.1.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu .....	3
1.1.1.1. <i>Doanh thu</i> .....	3
1.1.1.2. <i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	6
1.1.2. Khái quát về chi phí .....	7
1.1.4. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	10
1.1.4.1. <i>Vai trò</i> .....	10
1.1.4.2. <i>Ý nghĩa</i> .....	10
1.1.5. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	11
1.2.1. Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh chính .....	12
1.2.1.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .....	12
1.2.1.2. <i>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i> .....	15
1.2.1.3. <i>Kế toán giá vốn hàng bán</i> .....	17
1.2.1.4. <i>Kế toán chi phí bán hàng</i> .....	21
1.2.1.5. <i>Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i> .....	23
1.2.2. Kế toán hoạt động tài chính .....	25
1.2.2.1. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i> .....	25
1.2.2.2. <i>Kế toán chi phí tài chính</i> .....	26
1.2.3. Kế toán hoạt động khác .....	28

1.2.3.1. Kế toán thu nhập khác.....	28
1.2.3.2. Kế toán chi phí khác.....	29
1.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	30
1.2.5. Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp .....	33
1.2.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	33
1.2.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái .....	33
1.2.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	33
1.2.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	34
1.2.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	34
CHƯƠNG II.....	36
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG.....	36
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG.....	36
2.1.1. Giới thiệu khái quát về công ty.....	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	36
2.1.3. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua:.....	38
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....	40
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....	40
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, phòng ban.....	41
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	43
2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán.....	43
2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	44
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.....	54

2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông.....	60
2.2.2. Kế toán hoạt động tài chính tại Công ty C.P thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông. (Kế toán doanh thu hoạt động tài chính) .....	70
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại & xây dựng Hoàng Hải Đông .....	75
CHƯƠNG III.....	87
MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG.....	87
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY C.P THƯƠNG MẠI & XÂY DỰNG HOÀNG HẢI ĐÔNG .....	87
3.1.1. Ưu điểm.....	87
3.1.2. Nhược điểm.....	89
3.2.2.1. Về việc hạch toán chi phí .....	91
3.2.2.2. Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi .....	95
3.2.2.3. Về việc hoàn thiện hệ thống sổ kế toán .....	99
3.2.2.4. Về việc quản lý tài chính .....	106
3.2.2.5. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.....	106
KẾT LUẬN .....	107